

Số: /ĐA-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

DƯ THẢO

ĐỀ ÁN

SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/03/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Phước xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025.
- Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

5. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.

6. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

7. Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Tỉnh Bình Phước nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giữ vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển vùng Thành phố Hồ Chí Minh. Với vị trí địa lý thuận lợi, trung tâm tỉnh cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 110 km, có 258,939 km đường biên giới tiếp giáp với Vương quốc Campuchia, cùng hệ thống giao thông kết nối với các tỉnh Tây Nguyên và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Bình Phước có tiềm năng lớn để phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng hợp tác quốc tế, đồng thời giữ vị trí trọng yếu trong bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực và cả nước.

Trong quá trình hình thành và phát triển, tỉnh Bình Phước đã nhiều lần điều chỉnh, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của từng giai đoạn lịch sử. Những điều chỉnh này đã mang lại nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, hiện nay, toàn tỉnh có 111 ĐVHC cấp xã với quy mô diện tích nhỏ, phân bố chưa hợp lý, gây ra nhiều khó khăn trong công tác quy hoạch, lập kế hoạch phát triển và triển khai các chương trình kinh tế - xã hội dài hạn. Việc chia tách ĐVHC dẫn đến nguồn lực đầu tư bị phân tán, hạn chế khả năng tập trung phát triển, trong khi mô hình chính quyền địa phương 3 cấp hiện nay với nhiều ĐVHC nhỏ lẻ đã làm gia tăng bộ máy quản lý, biên chế cán bộ, công chức, dẫn đến tình trạng chồng chéo, thiếu hiệu quả. Điều này không chỉ làm chậm quá trình thực hiện các chính sách phát triển mà còn ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của tỉnh trong bối cảnh hội nhập kinh tế.

Việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã tại Bình Phước không chỉ xuất phát từ yêu cầu thực tiễn mà còn là nhiệm vụ quan trọng theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kết luận số 126-KL/TW, Kết luận số 127-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW của Bộ Chính trị và Ban Bí thư với định hướng trọng tâm về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, không tổ chức chức cấp huyện và sắp xếp ĐVHC cấp xã. Trong xu thế đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, việc sắp xếp lại ĐVHC cấp xã sẽ giúp nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để quản lý dân cư, quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng đồng bộ và nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Bên cạnh đó, việc tổ chức lại ĐVHC cấp xã còn giúp tối ưu hóa nguồn lực đầu tư, tập trung phát triển các khu vực có tiềm năng, đồng thời đảm bảo sự phân bổ hợp lý giữa các vùng, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Đây là giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững, đảm bảo an ninh - quốc phòng trong tình hình mới. Hơn nữa, việc tinh gọn bộ máy hành chính, giảm số lượng cơ quan quản lý và biên chế không chỉ tiết kiệm chi ngân sách mà còn nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền địa phương, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả.

Như vậy, việc sắp xếp lại ĐVHC cấp xã của tỉnh Bình Phước là yêu cầu tất yếu, khách quan, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước. Đây không chỉ là nhiệm vụ cấp thiết để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước mà còn là cơ hội để tinh tã cơ cấu bộ máy chính quyền địa phương theo hướng “*tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu tổ chức chính quyền địa phương cấp xã gần dân, sát dân*”, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân và nâng cao vị thế của Bình Phước trong khu vực và cả nước.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

1. Tỉnh Bình Phước

1.1. Diện tích tự nhiên (km²): 6.873,56 km².

1.2. Quy mô dân số (người): 1.234.409 người.

1.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện: 11 ĐVHC cấp huyện, gồm: 07 huyện (*Đồng Phú, Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng*), 03 thị xã (*Bình Long, Phước Long, Chơn Thành*), 01 thành phố (*Đồng Xoài*).

1.4. Số lượng ĐVHC cấp xã: 111 ĐVHC cấp xã, gồm 86 xã, 20 phường, 05 thị trấn.

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: 109 ĐVHC.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp: 02 ĐVHC, trong đó:

- Số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp: 02 ĐVHC;

- Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù: 0 ĐVHC.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Trên cơ sở 111 ĐVHC cấp xã hiện nay, thành lập 40 ĐVHC cấp xã mới trên cơ sở nhập nguyên trạng ĐVHC hiện tại, gồm:

1. Thành lập phường Minh Hưng trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm phường Minh Hưng và phường Minh Long thuộc thị xã Chơn Thành

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC phường Minh Hưng có diện tích tự nhiên là 99,67 km² (đạt 1812,18% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 34.123 người (đạt 162,49% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Chơn Thành, xã Nha Bích, xã Tân Quan, xã Tân Khai và giáp tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Minh Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích. Hai phường có vị trí tiếp giáp, có sự tương đồng về điều kiện địa lý, đặc điểm dân cư và định hướng phát triển đô thị, nên việc sắp xếp không làm ảnh hưởng đến tính ổn định và sự phát triển của địa phương. Đồng thời, trục quốc lộ 13 đi qua địa bàn là tuyến kết nối chính giữa các khu vực, tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức quản lý hành chính, phát triển hạ tầng và phục vụ nhu cầu đi lại, giao thương của người dân sau sáp nhập.

2. Thành lập phường Chơn Thành trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm phường Hưng Long, phường Thành Tâm và phường Minh Thành thuộc thị xã Chơn Thành

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC phường Chơn Thành có diện tích tự nhiên là 24,41 km² (đạt 2262% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 41.500 người (đạt 197,62% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Minh Hưng, xã Nha Bích, xã Tân Quan và giáp tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các phường được sáp nhập đều có vị trí địa lý liên kề, có nhiều điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa – xã hội và quá trình phát triển đô thị. Đặc biệt,

trục quốc lộ 13, quốc lộ 14 – tuyến giao thông huyết mạch đi qua địa bàn, đóng vai trò là trục kết nối liên thông giữa các phường, tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý hành chính, lưu thông hàng hóa và đi lại của người dân.

3. Thành lập xã Nha Bích trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Nha Bích, xã Minh Thắng và xã Minh Lập thuộc thị xã Chơn Thành

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Nha Bích có diện tích tự nhiên là 137,06 km² (đạt 456,87% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 22.278 người (đạt 139,24% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Chơn Thành, phường Minh Hưng, xã Tân Quan, xã Tân Hưng, xã Thuận Lợi, phường Đồng Xoài và giáp tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Minh Thắng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các xã này có vị trí liên kề, dân cư phân bố tương đối đồng đều, điều kiện tự nhiên và đặc điểm phát triển kinh tế – xã hội có nhiều điểm tương đồng, thuận lợi cho việc hợp nhất và tổ chức lại bộ máy hành chính.

4. Thành lập xã Tân Quan trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm xã Quang Minh thuộc thị xã Chơn Thành và xã Tân Quan, xã Phước An, xã Tân Lợi thuộc huyện Hớn Quản

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Tân Quan có diện tích tự nhiên là 148,31 km² (đạt 148,31% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 30.385 người (đạt 607,7% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Tân Hưng, phường An Lộc, phường Bình Long, xã Tân Khai, phường Minh Hưng, phường Chơn Thành, xã Nha Bích.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Phước An.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các địa phương này có vị trí tiếp giáp tự nhiên, có sự tương đồng về điều kiện địa lý, phong tục tập quán, sinh hoạt cộng đồng và xu hướng phát triển kinh tế – xã hội, thuận lợi trong việc tổ chức sáp nhập và điều hành sau sắp xếp. Ngoài ra, việc liên kết giữa các địa bàn được bảo đảm thông qua hệ thống giao thông hiện hữu, đặc biệt là các tuyến như đường ĐT756 và các tuyến đường liên xã, đóng vai trò kết nối trục dọc giữa Chơn Thành và Hớn Quản. Điều này tạo thuận lợi cho công tác quản lý hành chính, đảm bảo phục vụ tốt hơn đời sống người dân, đồng thời phát huy tiềm năng phát triển vùng giáp ranh giữa hai ĐVHC cấp huyện.

5. Thành lập xã Tân Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Thanh An, xã An Khương và Tân Hưng thuộc huyện Hớn Quản

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Tân Hưng có diện tích tự nhiên là 204,66 km² (đạt 204,66% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 35.498 người (đạt 709,96% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Tân Quan, phường An Lộc, xã Lộc Hưng, xã Lộc Quang, xã Bình Tân, xã Long Hà, xã Thuận Lợi và xã Nha Bích.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các địa phương này có vị trí tiếp giáp, tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa – xã hội và định hướng phát triển kinh tế, thuận lợi trong tổ chức bộ máy hành chính thống nhất. Hệ thống giao thông kết nối giữa hai xã cơ bản đồng bộ, với các tuyến đường liên xã và trục ĐT756 và ĐT245 tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, lưu thông hàng hóa, phục vụ đời sống người dân và phát triển kinh tế – xã hội sau sáp nhập.

6. Thành lập xã Tân Khai trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm thị trấn Tân Khai, xã Đồng Nơ và xã Tân Hiệp thuộc huyện Hớn Quản

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Tân Khai có diện tích tự nhiên là 161,79 km² (đạt 539,3% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 36.140 người (đạt 225,88% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Minh Đức, phường Bình Long, xã Tân Quan, phường Minh Hưng và giáp tỉnh Tây Ninh, tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Hớn Quản.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Ba đơn vị này có vị trí địa lý giáp ranh, gắn bó chặt chẽ về mặt cộng đồng dân cư, sinh hoạt văn hóa và hoạt động kinh tế – xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp nhất về tổ chức hành chính và phát triển đồng bộ sau sáp xếp. Đặc biệt, hệ thống giao thông tại khu vực này khá đồng bộ, với trục quốc lộ 13 đi qua địa bàn thị trấn Tân Khai và kết nối trực tiếp với các tuyến đường liên xã, góp phần tăng cường tính liên thông trong quản lý, thúc đẩy giao thương và nâng cao chất lượng phục vụ người dân sau khi xã mới được thành lập.

7. Thành lập xã Minh Đức trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã An Phú, xã Minh Tâm và xã Minh Đức thuộc huyện Hớn Quản

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Minh Đức có diện tích tự nhiên là 167,11 km² (đạt 167,11% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 16.944 người (đạt 338,88% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề xã Tân Khai, phường Bình Long, phường An Lộc, xã Lộc Thành và giáp tỉnh Tây Ninh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Minh Tâm.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các xã được sắp xếp có vị trí tiếp giáp, dân cư ổn định, tập quán sinh hoạt và điều kiện phát triển kinh tế – xã hội tương đồng, thuận tiện trong việc tổ chức lại ĐVHC và bố trí lại nguồn lực. Song song đó, khu vực này có hệ thống hạ tầng giao thông khá phát triển, với các tuyến đường như ĐT752 và ĐT246 và các trục liên xã đóng vai trò kết nối quan trọng, góp phần đảm bảo việc lưu thông thuận lợi giữa các khu vực sau sáp nhập. Điều này không chỉ hỗ trợ công tác quản lý hành chính mà còn tạo đà thúc đẩy phát triển nông nghiệp, thương mại – dịch vụ và cải thiện đời sống người dân trên địa bàn.

8. Thành lập phường Bình Long trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm phường An Lộc, phường Hưng Chiến, phường Phú Đức thuộc thị xã Bình Long và xã Thanh Bình thuộc huyện Hớn Quản

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC phường Bình Long có diện tích tự nhiên là 49,14 km² (đạt 893,45% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 41.048 người (đạt 195,47% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường An Lộc, xã Tân Quan, xã Tân Khai và xã Minh Đức.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Bình Long.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các ĐVHC này có vị trí tiếp giáp, liên kết chặt chẽ về kinh tế – xã hội, hạ tầng kỹ thuật và đời sống dân cư. Đặc biệt, quốc lộ 13 là tuyến giao thông huyết mạch – đi qua địa bàn, đóng vai trò kết nối trung tâm hành chính với các khu vực xung quanh, tạo thuận lợi cho công tác điều hành, quản lý, lưu thông hàng hóa và phát triển đô thị sau khi phường mới được thành lập.

9. Thành lập phường An Lộc trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm phường Phú Thịnh, xã Thanh Phú và xã Thanh Lương thuộc thị xã Bình Long

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC phường An Lộc có diện tích tự nhiên là 88,74 km² (đạt 1613,42% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 35.531 người (đạt 236,87% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Bình Long, xã Minh Đức, xã Lộc Thành, xã Lộc Hưng, xã Tân Hưng và xã Tân Quan.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thanh Phú.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Ba địa phương này có vị trí địa lý liền kề, tương đồng về đặc điểm đô thị hóa, phát triển kinh tế – xã hội và sinh hoạt cộng đồng, thuận lợi trong việc hợp nhất và tổ

chức lại bộ máy hành chính. Đồng thời, khu vực có hạ tầng giao thông kết nối khá hoàn chỉnh, trong đó quốc lộ 13 và các trục đường liên phường đóng vai trò kết nối liên thông, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, phát triển đô thị và nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân sau sáp nhập.

10. Thành lập xã Lộc Thành trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Thành và xã Lộc Thịnh thuộc huyện Lộc Ninh

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Lộc Thành có diện tích tự nhiên là 206,1 km² (đạt 206,1% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 15.338 người (đạt 306,73% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Lộc Tấn, xã Lộc Ninh, xã Lộc Hưng, phường An Lộc, xã Minh Đức và giáp Vương quốc Campuchia.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Thành.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Hai xã có vị trí địa lý liên kề, điều kiện tự nhiên, văn hóa – xã hội, phong tục tập quán và trình độ phát triển tương đồng, thuận lợi cho việc tổ chức lại ĐVHC. Bên cạnh đó, các tuyến giao thông chính như đường ĐT754 và các trục đường liên xã hiện hữu tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại, giao thương hàng hóa, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và công tác quản lý hành chính tại địa phương.

11. Thành lập xã Lộc Ninh trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Thái, xã Lộc Thuận và thị trấn Lộc Ninh thuộc huyện Lộc Ninh

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Lộc Ninh có diện tích tự nhiên là 67,42 km² (đạt 224,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 32.213 người (đạt 201,33% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Lộc Thành, xã Lộc Tấn, xã Lộc Quang và xã Lộc Hưng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Lộc Ninh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các đơn vị được sáp nhập có vị trí liên kề, liên kết chặt chẽ về lịch sử, văn hóa – xã hội và kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức lại bộ máy quản lý nhà nước. Khu vực có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ, đặc biệt là trục quốc lộ 13 đi qua trung tâm, bảo đảm tính liên thông, hỗ trợ hiệu quả cho việc điều hành, phát triển thương mại, dịch vụ và nâng cao chất lượng phục vụ người dân sau sáp nhập.

12. Thành lập xã Lộc Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Hưng, xã Lộc Khánh và xã Lộc Điền thuộc huyện Lộc Ninh

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Lộc Hưng có diện tích tự nhiên là 99,02 km² (đạt 330,07% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 26.600 người (đạt 166,25% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Lộc Thành, xã Lộc Ninh, xã Lộc Quang, xã Tân Hưng, phường An Lộc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các địa phương này có vị trí địa lý liên kề, điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư và cơ cấu kinh tế tương đồng, thuận lợi cho việc tổ chức sắp xếp hợp nhất. Hệ thống giao thông kết nối giữa hai địa phương được đảm bảo thông suốt thông qua các tuyến đường liên xã và tuyến đường tỉnh ĐT754, quốc lộ 13 giúp tăng cường tính liên thông, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, đi lại của người dân và phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn sau khi sắp xếp.

13. Thành lập xã Lộc Tấn trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Tấn và xã Lộc Thiện thuộc huyện Lộc Ninh

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Lộc Tấn có diện tích tự nhiên là 183,36 km² (đạt 183,36% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 23.697 người (đạt 473,94% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Lộc Thành, xã Lộc Ninh, xã Lộc Quang, xã Tân Tiến, xã Lộc Thạnh và giáp Vương quốc Campuchia.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Tấn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Hai xã có vị trí địa lý tiếp giáp nhau, điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội và văn hóa – dân cư tương đồng, thuận tiện trong việc tổ chức quản lý hành chính và cung cấp dịch vụ công cho người dân. Đồng thời, trục quốc lộ 13 và hệ thống các tuyến giao thông kết nối liên xã tạo điều kiện thuận lợi trong việc di chuyển, giao thương, phát triển kinh tế – xã hội và phục vụ tốt hơn công tác quản lý địa bàn.

14. Thành lập xã Lộc Thạnh trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Hòa và xã Lộc Thạnh thuộc huyện Lộc Ninh

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Lộc Thạnh có diện tích tự nhiên là 125,49 km² (đạt 125,49% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 10.339 người (đạt 206,78% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến và giáp Vương quốc Campuchia.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Thạnh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Hai xã có vị trí liên kề, địa hình tương đối đồng nhất, dân cư có sự gắn bó lâu dài

về văn hóa – xã hội và sinh hoạt cộng đồng, tạo thuận lợi trong quá trình hợp nhất và tổ chức lại ĐVHC. Khu vực có hệ thống giao thông kết nối tốt thông qua các tuyến đường liên xã và tuyến quốc lộ 13, đảm bảo liên thông, phục vụ tốt cho công tác điều hành, phát triển sản xuất và đời sống nhân dân sau khi sắp xếp.

15. Thành lập xã Lộc Quang trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Quang, xã Lộc Phú và xã Lộc Hiệp thuộc huyện Lộc Ninh

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Lộc Quang có diện tích tự nhiên là 104,95 km² (đạt 104,95% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 26.314 người (đạt 526,28% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Lộc Hưng, xã Lộc Ninh, xã Lộc Tấn, xã Tân Tiến, xã Đa Kia, xã Bình Tân và xã Tân Hưng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Phú.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các xã được sắp xếp có vị trí địa lý giáp ranh nhau, có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, hạ tầng, văn hóa – xã hội và định hướng phát triển kinh tế theo hướng nông – lâm nghiệp. Khu vực sau sáp nhập có mạng lưới giao thông kết nối thuận lợi nhờ các tuyến đường liên xã và tuyến ĐT748, ĐT756 giúp tăng cường liên kết vùng, tạo điều kiện cho công tác quản lý, điều hành và phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương.

16. Thành lập xã Tân Tiến trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc An thuộc huyện Lộc Ninh và xã Tân Tiến, xã Tân Thành thuộc huyện Bù Đốp

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Tân Tiến có diện tích tự nhiên là 147,47 km² (đạt 147,47% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 38.550 người (đạt 771% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Thiện Hưng, xã Đa Kia, xã Lộc Quang, xã Lộc Tấn, xã Lộc Thạnh và giáp Vương quốc Campuchia.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Thành.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các xã này có ranh giới liên kề, gắn kết tự nhiên trong không gian địa lý và có điểm tương đồng về sinh hoạt cộng đồng, sản xuất nông nghiệp. Việc sắp xếp không chỉ tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức bộ máy hành chính mà còn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực địa phương. Đồng thời, các tuyến giao thông hiện hữu như ĐT759B và các trục đường liên xã đóng vai trò là cầu nối quan trọng, bảo đảm tính liên thông trong phát triển hạ tầng và phục vụ người dân sau sáp nhập.

17. Thành lập xã Thiện Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Thanh Hòa, xã Thiện Hưng và thị trấn Thanh Bình thuộc huyện Bù Đốp

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Thiện Hưng có diện tích tự nhiên là 110,97 km² (đạt 110,97% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số người 35.041 (đạt 700,82% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Tân Tiến, xã Đa Kia, xã Hưng Phước và giáp Vương quốc Campuchia.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Đốp.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Ba đơn vị có vị trí địa lý liền kề, dân cư sinh sống tập trung theo các trục dân cư liên hoàn, có mối liên hệ chặt chẽ về sinh hoạt, văn hóa và kinh tế. Bên cạnh đó, các tuyến giao thông huyết mạch như ĐT759 và đường liên xã hiện hữu giúp kết nối thuận lợi toàn khu vực, tạo điều kiện để hình thành một không gian quản lý hành chính hợp lý, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại và phát triển kinh tế của người dân.

18. Thành lập xã Hưng Phước trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Hưng Phước và xã Phước Thiện thuộc huyện Bù Đốp

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Hưng Phước có diện tích tự nhiên là 187,19 km² (đạt 187,19% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 12.427 người (đạt 248,54% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Thiện Hưng, xã Đa Kia, xã Phú Nghĩa, xã Đắk Ô và giáp Vương quốc Campuchia.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Hưng Phước.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Do hai xã có quy mô dân số và diện tích khi riêng lẻ chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định, tuy nhiên lại có vị trí địa lý liền kề, điều kiện tự nhiên tương đồng, đời sống cộng đồng gắn bó và hoạt động sản xuất chủ yếu là nông nghiệp. Việc sắp xếp không chỉ góp phần củng cố hệ thống hành chính cơ sở mà còn tận dụng tốt hạ tầng giao thông sẵn có như tuyến ĐT759B và các trục đường nội vùng, đảm bảo sự kết nối đồng bộ trong quản lý, phát triển kinh tế và phục vụ đời sống nhân dân.

19. Thành lập xã Bù Gia Mập trên cơ sở nguyên trạng xã Bù Gia Mập thuộc huyện Bù Gia Mập

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bù Gia Mập có diện tích tự nhiên là 342,51 km² (đạt 342,51% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 8.274 người (đạt 165,48% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Đắk Ô, xã Phú Nghĩa, xã Đắk Nheu và giáp tỉnh Đắk Nông, Vương quốc Campuchia.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Bù Gia Mập.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: giữ nguyên trạng ĐVHC cấp xã đã đảm bảo đạt các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Việc không thực hiện sáp nhập đảm bảo tính ổn định trong tổ chức bộ máy hành chính và phù hợp với đặc điểm đặc thù của địa phương. Xã có địa bàn rộng, dân cư phân bố rải rác, với tỷ lệ cao đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, chủ yếu là người S'tiêng và M'ông, gắn bó chặt chẽ với đất rừng và văn hóa bản địa. Việc giữ nguyên ĐVHC giúp đảm bảo công tác quản lý hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế và tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai chính sách dân tộc, an sinh xã hội và phát triển kinh tế – xã hội khu vực biên giới. Đồng thời, hệ thống hạ tầng giao thông cơ bản như tuyến ĐT741 và các tuyến liên thôn được giữ ổn định, phục vụ tốt nhu cầu đi lại, giao thương và tiếp cận dịch vụ công của người dân.

20. Thành lập xã Đăk Ô trên cơ sở nguyên trạng xã Đăk Ô thuộc huyện Bù Gia Mập

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đăk Ô có diện tích tự nhiên là 246,49 km² (đạt 246,49% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 19.369 người (đạt 387,38% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bù Gia Mập, xã Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, xã Hưng Phước và giáp Vương quốc Campuchia.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đăk Ô.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: giữ nguyên trạng ĐVHC cấp xã đã đảm bảo đạt các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Xã có địa bàn rộng, có vị trí chiến lược nằm gần khu vực biên giới, dân cư phân bố không đồng đều, trong đó có tỷ lệ lớn đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, như người S'tiêng và M'ông. Việc không thực hiện sáp nhập nhằm giữ ổn định trong công tác quản lý hành chính, đảm bảo hiệu quả triển khai các chính sách dân tộc, an sinh xã hội, quốc phòng – an ninh và phát triển kinh tế vùng biên. Bên cạnh đó, xã Đăk Ô đã được đầu tư hạ tầng thiết yếu, có tuyến ĐT741 kết nối trung tâm hành chính và các thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong giao thương và tiếp cận dịch vụ công.

21. Thành lập xã Phú Nghĩa trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Phú Nghĩa, xã Phú Văn và xã Đức Hạnh thuộc huyện Bù Gia Mập.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Phú Nghĩa có diện tích tự nhiên là 279,40 km² (đạt 279,40% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 33.920 người (đạt 678,40% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đăk Ô, xã Bù Gia Mập, xã Đak Nhau, xã Bom Bo, phường Phước Long, phường Phước Bình, xã Đa Kia và xã Hưng Phước.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số.

Ba xã có địa giới tiếp giáp, dân cư sinh sống gắn bó lâu đời, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa – xã hội và cơ cấu sản xuất, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số, chủ yếu là người S'tiêng, có bản sắc văn hóa riêng và đời sống gắn với sản xuất nông – lâm nghiệp. Đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở. Tuyến ĐT750 và ĐT741 cùng hệ thống đường liên xã hiện hữu tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức quản lý hành chính, kết nối 03 xã và các khu vực lân cận, lưu thông hàng hóa, phục vụ tốt nhu cầu đi lại và giao thương của người dân.

22. Thành lập xã Đa Kia trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Phước Minh, xã Đa Kia và xã Bình Thắng thuộc huyện Bù Gia Mập

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đa Kia có diện tích tự nhiên là 196,25 km² (đạt 196,25% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 31.752 người (đạt 635,04% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Phú Nghĩa, phường Phước Bình, xã Bình Tân, xã Lộc Quang, xã Tân Tiến, xã Thiện Hưng và xã Hưng Phước.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đa Kia.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các xã này có vị trí địa lý tiếp giáp, dân cư sinh sống gắn kết lâu đời, với cơ cấu kinh tế, điều kiện tự nhiên và văn hóa – xã hội tương đồng. Đặc biệt, khu vực này có tỷ lệ đáng kể đồng bào dân tộc thiểu số, việc tổ chức lại địa giới hành chính sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn trong công tác quản lý dân cư, triển khai chính sách dân tộc và phát triển vùng khó khăn. Hạ tầng giao thông đã được đầu tư khá đồng bộ, nổi bật là các trục đường liên xã, bảo đảm khả năng kết nối thông suốt, phục vụ tốt nhu cầu đi lại, sản xuất và giao thương sau khi sắp xếp.

23. Thành lập phường Phước Bình trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm xã Bình Sơn thuộc huyện Phú Riềng và xã Long Giang, phường Long Phước, phường Phước Bình thuộc thị xã Phước Long

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC phường Phước Bình có diện tích tự nhiên là 72,57 km² (đạt 1319,45% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 44.771 người (đạt 298,47% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Phước Long, xã Phú Nghĩa, xã Đa Kia và xã Bình Tân.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Phước Long.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các địa phương này có vị trí tiếp giáp, dân cư đông, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật từng bước hoàn thiện và có nhiều điểm tương đồng về điều kiện phát triển kinh tế

– xã hội. Sáp nhập nhằm hình thành một ĐVHC đô thị có quy mô lớn hơn, thuận lợi hơn trong công tác quy hoạch, đầu tư hạ tầng và quản lý hành chính nhà nước. Tuyến ĐT741 và các trục giao thông kết nối liên vùng đóng vai trò huyết mạch, bảo đảm khả năng liên thông giữa các khu vực sau sáp nhập, đồng thời tạo điều kiện cho người dân trong việc tiếp cận dịch vụ công, phát triển sản xuất và nâng cao chất lượng sống.

24. Thành lập phường Phước Long trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm phường Long Thủy, phường Thác Mơ, phường Sơn Giang và xã Phước Tín thuộc thị xã Phước Long

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC phường Phước Long có diện tích tự nhiên là 71,87 km² (đạt 1306,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 33.145 người (đạt 220,97% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Phước Bình, xã Phú Nghĩa, xã Bom Bo và xã Phú Trung.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Long Thủy.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Ba phường có vị trí liên kề, kết nối mật thiết về hạ tầng kỹ thuật – xã hội và có nhiều điểm tương đồng về điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa và dân cư. Việc sắp xếp góp phần tạo ra một ĐVHC có quy mô lớn, thuận lợi hơn trong tổ chức không gian đô thị, thu hút đầu tư và cung ứng dịch vụ công cho người dân. Bên cạnh đó, các tuyến giao thông trọng yếu như trục ĐT741 đi qua địa bàn đóng vai trò là động lực phát triển, đảm bảo liên kết vùng, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông, thương mại và quản lý hành chính sau sáp nhập.

25. Thành lập xã Bình Tân trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Long Bình, xã Long Hưng và xã Bình Tân thuộc huyện Phú Riềng

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bình Tân có diện tích tự nhiên là 190,89 km² (đạt 190,89% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 28.642 người (đạt 572,84% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Phú Trung, xã Phú Riềng, xã Long Hà, xã Tân Hưng, xã Lộc Quang, xã Đa Kia và phường Phước Bình.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Long Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các xã được sáp nhập có vị trí liên kề, dân cư sinh sống lâu đời với nhiều nét tương đồng về đặc điểm tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế – xã hội và văn hóa. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới có quy mô diện tích và dân số lớn hơn, thuận lợi cho công tác quy hoạch, đầu tư hạ tầng và triển khai các chính sách phát triển vùng. Tuyến đường liên xã kết nối qua địa bàn, đặc biệt là tuyến ĐT741, giữ vai trò là

trục giao thông chính, đảm bảo liên thông giữa các khu vực và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn sau sáp nhập.

26. Thành lập xã Long Hà trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Long Hà và xã Long Tân thuộc huyện Phú Riềng

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Long Hà có diện tích tự nhiên là 168,38 km² (đạt 168,38% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 27.614 người (đạt 552,28% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bình Tân, xã Phú Riềng, xã Thuận Lợi và xã Tân Hưng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Long Hà.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Hai xã có vị trí liên kề, dân cư có quan hệ cộng đồng gắn bó, tập quán sản xuất tương đồng và cùng chia sẻ đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế – xã hội. Sau khi sắp xếp, ĐVHC mới sẽ có điều kiện thuận lợi hơn trong tổ chức bộ máy, đầu tư hạ tầng và triển khai các chương trình phát triển nông thôn mới. Ngoài ra, các tuyến đường giao thông, đặc biệt là tuyến ĐT757, giữ vai trò kết nối giữa các khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao thương, quản lý dân cư và cung cấp dịch vụ công cho người dân.

27. Thành lập xã Phú Riềng trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Bù Nho và xã Phú Riềng thuộc huyện Phú Riềng

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Phú Riềng có diện tích tự nhiên là 117,37 km² (đạt 117,37% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 36.232 người (đạt 724,64% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Long Hà, xã Bình Tân, xã Phú Trung, xã Đồng Tâm và xã Thuận Lợi.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Hai xã có vị trí giáp ranh trực tiếp, dân cư ổn định, cơ cấu kinh tế tương đồng, và chia sẻ nhiều điểm chung về hạ tầng, văn hóa – xã hội. Sau sắp xếp, xã Phú Riềng mới sẽ thuận lợi trong việc bố trí nguồn lực đầu tư, tổ chức không gian hành chính và thực hiện các chương trình phát triển. Trục ĐT741 là tuyến giao thông quan trọng đi qua khu vực, tạo điều kiện thuận lợi trong kết nối giữa trung tâm hành chính huyện với các xã khác, hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, phục vụ người dân và phát triển kinh tế địa phương.

28. Thành lập xã Phú Trung trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Phước Tân và xã Phú Trung thuộc huyện Phú Riềng

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Phú Trung có diện tích tự nhiên là 172,03 km² (đạt 172,03% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 13.585 người (đạt 271,7% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bình Tân, xã Phú Riềng, xã Đồng Tâm, xã Nghĩa Trung, xã Bom Bo, phường Phước Long và phường Phước Bình.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Phú Trung.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số.. Hai xã có vị trí liên kề, điều kiện tự nhiên tương đồng, dân cư có mối liên kết chặt chẽ trong sinh hoạt và sản xuất, góp phần tạo sự thuận lợi trong tổ chức quản lý sau sáp nhập. Việc thành lập xã mới không chỉ đảm bảo các tiêu chuẩn về diện tích, quy mô dân số theo quy định, mà còn giúp nâng cao năng lực quản lý, cải thiện hiệu quả đầu tư công và phục vụ người dân. Mạng lưới giao thông kết nối tương đối đồng bộ, đặc biệt là các tuyến đường liên xã hiện hữu, tạo điều kiện thuận lợi trong đi lại, phát triển kinh tế – xã hội và thực hiện các nhiệm vụ hành chính tại địa phương.

29. Thành lập phường Đồng Xoài trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Tân Thành và phường Tiến Thành thuộc thành phố Đồng Xoài

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC phường Đồng Xoài có diện tích tự nhiên là 81,33 km² (đạt 1478,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 35.887 người (đạt 170,89% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Bình Phước, xã Thuận Lợi, xã Nha Bích và giáp tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Tiến Thành.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích. Hai ĐVHC có vị trí tiếp giáp trực tiếp, dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, có nhiều điểm tương đồng về kinh tế – xã hội và văn hóa. Việc sắp xếp giúp hình thành ĐVHC đô thị có quy mô lớn hơn, tạo thuận lợi trong công tác quy hoạch, quản lý dân cư và thu hút đầu tư. Tuyến quốc lộ 14 đóng vai trò là trục giao thông chiến lược đi qua khu vực, giúp kết nối phường Đồng Xoài mới với trung tâm thành phố và các địa phương lân cận, góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và phát triển kinh tế – xã hội.

30. Thành lập phường Bình Phước trên cơ sở nhập 06 ĐVHC cấp xã gồm phường Tân Phú, phường Tân Đồng, phường Tân Thiện, phường Tân Bình, phường Tân Xuân và xã Tiến Hưng thuộc thành phố Đồng Xoài

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC phường Bình Phước có diện tích tự nhiên là 86,38 km² (đạt 1570,55% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 111.440 người (đạt 530,63% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Đồng Xoài, xã Thuận Lợi, xã Đồng Tâm, xã Tân Lợi, xã Đồng Phú và giáp tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thành phố Đồng Xoài.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Đây là bước đi quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển không gian đô thị trung tâm của tỉnh Bình Phước trong giai đoạn mới. Các ĐVHC được nhập có vị trí liền kề, gắn kết chặt chẽ trong kết cấu hạ tầng, không gian đô thị và các hoạt động kinh tế – xã hội. Sau sắp xếp, phường Bình Phước hình thành sẽ có quy mô dân số và diện tích lớn, tạo điều kiện thuận lợi trong việc phân bổ nguồn lực, đầu tư công và phát triển đô thị đồng bộ. Tuyến quốc lộ 14 và các trục giao thông nội thị trọng yếu như đường Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hồ Xuân Hương đóng vai trò kết nối xuyên suốt giữa các khu vực trong phường, hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý hành chính, phục vụ người dân và thu hút đầu tư phát triển.

31. Thành lập xã Thuận Lợi trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Thuận Phú và xã Thuận Lợi thuộc huyện Đồng Phú

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Thuận Lợi có diện tích tự nhiên là 167,23 km² (đạt 167,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 23.655 người (đạt 473,1% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Đồng Tâm, phường Bình Phước, phường Đồng Xoài, xã Nha Bích, xã Tân Hưng, xã Long Hà và xã Phú Riềng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thuận Phú.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Với nút giao của 02 tuyến đường lớn ĐT758 và ĐT741, ĐVHC mới sau sắp xếp đảm bảo về diện tích và quy mô dân số vừa có tiềm năng để phát triển kinh tế và thuận lợi cho công tác quản lý, lưu thông hàng hóa, phục vụ đời sống người dân và phát triển kinh tế – xã hội.

32. Thành lập xã Đồng Tâm trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đồng Tâm, xã Đồng Tiến và xã Tân Phước thuộc huyện Đồng Phú

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đồng Tâm có diện tích tự nhiên là 248,78 km² (đạt 248,78% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 35.573 người (đạt 711,46% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Tân Lợi, phường Bình Phước, xã Thuận Lợi, xã Phú Riềng, xã Phú Trung và xã Nghĩa Trung.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đồng Tiến.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Hai ĐVHC cùng cấp liền kề, với tuyến đường quốc lộ 14 trải dài kết nối là điều

kiện thuận lợi cho việc xây dựng hạ tầng giao thông phát triển kinh tế, hạn chế làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của các cá nhân và tổ chức sau sắp xếp.

33. Thành lập xã Tân Lợi trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Tân Lợi, xã Tân Hưng và xã Tân Hòa thuộc huyện Đồng Phú

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Tân Lợi có diện tích tự nhiên là 379,78 km² (đạt 379,78% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 22.774 người (đạt 455,48% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Đồng Tâm, phường Bình Phước, xã Đồng Phú, xã Đăng Hà, xã Phước Sơn, xã Nghĩa Trung và giáp tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Lợi.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Đồng thời 03 đơn vị với đường giáp ranh nối dài, có sự tương đồng về các yếu tố truyền thống, xã hội sẽ thuận lợi cho công tác quy hoạch, sử dụng đất đai, phát triển nông nghiệp và dịch vụ, giúp quy hoạch giao thông nông thôn đồng bộ hơn, không bị chia cắt.

34. Thành lập xã Đồng Phú trên cơ sở 03 ĐVHC cấp xã gồm thị trấn Tân Phú, xã Tân Tiến và xã Tân Lập thuộc huyện Đồng Phú

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đồng Phú có diện tích tự nhiên là 138,66 km² (đạt 138,66% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 45.557 người (đạt 911,14 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Tân Lợi, phường Bình Phước và giáp tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Đồng Phú.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Lấy đường liên tỉnh ĐT741 làm trục giao thông chính với nguồn lực sẵn có của thị trấn Tân Phú sẽ là tiềm năng tốt để phát triển ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp, vừa đảm bảo các yếu tố về diện tích, quy mô dân số, vừa thuận lợi để xây dựng các chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

35. Thành lập xã Phước Sơn trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đăng Hà, xã Thống Nhất và xã Phước Sơn thuộc huyện Bù Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thống Nhất.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Phước Sơn có diện tích tự nhiên là 386,56 km² (đạt 386,56% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 31.005 người (đạt 620,10% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đồng Tâm, xã Nghĩa Trung, xã Bù Đăng, xã Thọ Sơn và giáp tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thống Nhất.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: việc sắp xếp như trên tạo thuận lợi cho việc quy hoạch đô thị phát triển kinh tế. Đồng thời, cả 03 xã đều là ĐVHC giáp ranh với tỉnh lân cận gồm Lâm Đồng và Đồng Nai do đó phương án là phù hợp, tạo sự gắn kết để phát triển lâu dài cho việc giao thương phát triển kinh tế vùng. Đồng thời ĐVHC cấp cơ sở mới sau sắp xếp đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số theo quy định.

36. Thành lập xã Nghĩa Trung trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đức Liễu, xã Nghĩa Bình và xã Nghĩa Trung thuộc huyện Bù Đăng

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Nghĩa Trung có diện tích tự nhiên là 222,04 km² (đạt 222,04% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 32.897 người (đạt 657,94% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Phước Sơn, xã Bù Đăng, xã Bom Bo, xã Phú Trung, xã Đồng Tâm và xã Tân Lợi.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đức Liễu.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liên kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Các đơn vị có vị trí tiếp giáp, tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa – xã hội và định hướng phát triển kinh tế, các tuyến đường lớn như quốc lộ 14, đường liên xã cũng cơ bản đồng bộ là yếu tố thuận lợi gắn kết.

37. Thành lập xã Bù Đăng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đoàn Kết, xã Minh Hưng và thị trấn Đức Phong thuộc huyện Bù Đăng

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bù Đăng có diện tích tự nhiên là 156,14 km² (đạt 156,14% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 32.145 người (đạt 642,9% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Nghĩa Trung, xã Bom Bo, xã Thọ Sơn và xã Phước Sơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Đăng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: trên cơ sở sắp xếp ổn định các ĐVHC cấp xã, phương án sắp xếp trên cơ bản phù hợp và đảm bảo các điều kiện về diện tích và dân số. Đồng thời, lấy thị trấn Đức Phong là lõi trung tâm để đặt trụ sở ĐVHC sau sắp xếp với quốc lộ 14 làm trục giao thông chính, tạo thuận lợi cho việc liên kết xây dựng các phương án phát triển hạ tầng kinh tế của ĐVHC mới, phát triển đồng đều khu vực.

38. Thành lập xã Thọ Sơn trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Phú Sơn, xã Thọ Sơn và xã Đồng Nai thuộc huyện Bù Đăng

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Thọ Sơn có diện tích tự nhiên là 307,69 km² (đạt 307,69% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 21.457 người (đạt 429,14% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Phước Sơn, xã Bù Đăng, xã Bom Bo, xã Đak Nhai và giáp tỉnh Đắk Nông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thọ Sơn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Lấy quốc lộ 14 làm trục giao thông chính, và một số tuyến đường lớn liên huyện, việc sắp xếp như trên tạo thuận lợi cho việc quy hoạch phát triển kinh tế, giúp quy hoạch giao thông nông thôn đồng bộ hơn, không bị chia cắt, tăng khả năng kết nối giữa các khu vực, đồng thời vẫn đảm bảo các điều kiện về diện tích và dân số.

39. Thành lập xã Đak Nhai trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Đường 10 và xã Đak Nhai thuộc huyện Bù Đăng

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đak Nhai có diện tích tự nhiên là 182,47 km² (đạt 182,47% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 23.685 người (đạt 473,7% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Thọ Sơn, xã Bom Bo, xã Đức Hạnh, xã Bù Gia Mập và giáp tỉnh Đắk Nông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đak Nhai.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Hệ thống giao thông kết nối giữa hai xã cơ bản đồng bộ, với các tuyến đường liên xã. Diện tích đường ranh giới tiếp giáp giữa xã Đường 10 và xã Đak Nhai khá lớn là tiền đề thuận lợi tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, lưu thông hàng hóa, phục vụ đời sống người dân và phát triển kinh tế – xã hội sau sáp nhập.

40. Thành lập xã Bom Bo trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Bom Bo và xã Bình Minh thuộc huyện Bù Đăng

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bom Bo có diện tích tự nhiên là 245,87 km² (đạt 245,87% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 27.064 người (đạt 541,28% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Đak Nhai, xã Thọ Sơn, xã Bù Đăng, xã Nghĩa Trung, xã Phú Trung, phường Phước Long và xã Đức Hạnh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Bom Bo.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: sắp xếp ĐVHC cấp xã liền kề thành ĐVHC cấp cơ sở mới đảm bảo các tiêu chí về diện tích và quy mô dân số. Hai xã có vị trí địa lý liền kề, nhiều điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa – xã hội và trình độ phát triển kinh tế, thuận tiện cho việc tổ chức sắp xếp lại địa giới hành chính. Khu vực này có tuyến đường ĐT760 chạy qua kết nối trực tiếp với trung tâm huyện Bù Đăng và các xã lân cận, tạo điều kiện thuận lợi cho

việc giao thương, đi lại và quản lý hành chính. Đặc biệt, đây là địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, việc sáp nhập sẽ góp phần củng cố khối đại đoàn kết, nâng cao chất lượng phục vụ, quản lý thống nhất và thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc tại địa phương.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SÁP XẾP ĐVHC CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Trước khi sắp xếp, tỉnh Bình Phước có **111** ĐVHC cấp xã (*gồm 86 xã, 20 phường, 05 thị trấn*). Sau khi sắp xếp, tỉnh Bình Phước còn **40** ĐVHC cấp xã (*gồm 08 phường, 32 xã*); giảm **71** ĐVHC cấp xã (*12 phường, 54 xã, 05 thị trấn*), tỷ lệ giảm đạt 63,96%.

III. PHƯƠNG ÁN SÁP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SÁP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Tổ chức chính quyền địa phương sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã

- Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương khi sắp xếp đơn vị hành chính phải bảo đảm nguyên tắc thống nhất và gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Thường trực HĐND cấp tỉnh thực hiện việc phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã; Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định điều động, cách thức Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

- Khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính mới sau sắp xếp được xác định như sau:

+ Trường hợp đơn vị hành chính mới sau sắp xếp giữ nguyên tên gọi của một trong các đơn vị hành chính trước sắp xếp thì khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục tính theo khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính được giữ nguyên tên gọi;

+ Trường hợp đơn vị hành chính mới sau sắp xếp thay đổi tên gọi hoặc thay đổi loại đơn vị hành chính thì khóa của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính sau sắp xếp được tính lại từ đầu (khóa I) kể từ thời điểm thành lập.

2. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Về hiện trạng bộ máy cơ quan, tổ chức

- Đối với UBND cấp huyện hiện bố trí 09 cơ quan chuyên môn trực thuộc Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Nội vụ; Thanh tra; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Tư pháp; Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; Phòng Tài nguyên và Môi trường (*đối với thị xã, thành phố*) hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường (*đối với huyện*); Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Giáo dục và Đào tạo tại 05 huyện, thị xã, thành phố¹ và 10 phòng chuyên môn (*có Phòng Dân tộc và Tôn giáo*) tại 06 huyện còn lại².

- Về chính quyền cấp xã gồm HĐND và UBND cấp xã, UBND cấp xã không tổ chức các cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ thuộc UBND cấp xã. UBND cấp xã thực hiện mô hình lãnh đạo UBND cấp xã chỉ đạo trực tiếp công chức tham mưu, giúp việc.

- Về các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện có tổng 79 đơn vị sự nghiệp (*11 đơn vị sự nghiệp y tế; 68 các đơn vị sự nghiệp văn hoá, xã hội và đơn vị sự nghiệp khác*) và 354 đơn vị sự nghiệp giáo dục.

2.2. Về phương án kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

- Chính quyền địa phương cấp cơ sở gồm HĐND, UBND tại tất cả ĐVHC cấp cơ sở. Theo đó:

+ HĐND cấp cơ sở tiếp tục tổ chức 02 ban (*Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội*).

+ UBND cấp xã thành lập tối đa 04 phòng và tương đương phù hợp với nhu cầu, thực tế của địa phương, gồm: (1) Văn phòng HĐND và UBND, (2) Phòng Kinh tế (*đối với xã*) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (*đối với phường*), (3) Phòng Văn hóa - Xã hội, (4) Trung tâm phục vụ hành chính công (*xác định là tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã*).

UBND tỉnh căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ĐVHC để quyết định số lượng cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cho phù hợp (nhưng không vượt quá 04 phòng và tương đương). Trường hợp địa phương tổ chức số lượng cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp xã dưới 03 đầu mối thì có thể bố trí tăng 01 Phó Chủ tịch UBND để trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo.

Đối với trường hợp 01 ĐVHC cấp xã giữ nguyên (*không sắp xếp*): có thể không tổ chức các phòng chuyên môn theo hướng dẫn chung (*trừ các Ban của HĐND hiện có*) mà phân công công chức chuyên môn trực tiếp đảm nhiệm các vị trí việc làm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp xã mới. Trường hợp không tổ chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã, UBND tỉnh xem xét, quyết định tăng biên chế so với số lượng biên chế cán bộ,

¹ Thành phố Đồng Xoài, thị xã Bình Long, thị xã Phước Long, huyện Phú Riềng.

² Huyện Bù Đăng, huyện Bù Đốp, huyện Bù Gia Mập, huyện Đồng Phú, huyện Hớn Quản và huyện Lộc Ninh.

công chức cấp xã hiện nay để thực hiện các nhiệm vụ mới chuyển giao từ cấp huyện.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp huyện sau sắp xếp chuyển về cấp xã và các đơn vị, tổ chức cấp tỉnh tương ứng để quản lý và thực hiện việc sắp xếp, bố trí lại các tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp theo mô hình khu vực, cụ thể:

+ Đơn vị sự nghiệp giáo dục: Giữ nguyên các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập và chuyển giao cho chính quyền địa phương cấp xã quản lý. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

+ Đơn vị sự nghiệp y tế: Duy trì các Trạm Y tế xã, phường hiện có để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Căn cứ vào diện tích, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã mới, UBND cấp tỉnh có thể tổ chức lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để thực hiện nhiệm vụ về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn. Đối với các trung tâm y tế thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Y tế quản lý để sắp xếp, tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp khác: Sau khi có hướng dẫn của Chính phủ, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu theo hướng chuyển về trực thuộc các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh tương ứng và tổ chức lại thành đơn vị sự nghiệp khu vực cung ứng dịch vụ theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Các cơ quan đơn vị cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận và xây dựng phương án tổ chức, quản lý theo mô hình khu vực trong nội dung đề án sắp xếp, tổ chức lại bộ máy của cơ quan mình để trình các cấp có thẩm quyền thông qua.

Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển về trực thuộc UBND cấp xã quản lý (*sau sắp xếp*): giao UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng phương án cụ thể, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

+ Trường hợp có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn mới của các cơ quan Trung ương về sắp xếp, tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập thì thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương.

3. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

3.1. Về hiện trạng số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách hiện nay là: 2.316 cán bộ, công chức cấp xã gồm (1.166 cán bộ; 1.150 công chức), trong đó, có 226 người từ 55 tuổi trở lên; 205 có trình độ Cao đẳng trở xuống; 1.128 người hoạt động không chuyên trách. Đồng thời, số lượng công chức cấp

huyện là 729 người, trong đó, có 05 công chức trình độ Cao đẳng trở xuống (*chưa bao gồm cán bộ, công chức cấp tỉnh tăng cường về cấp xã*).

- Tổng số viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện hiện nay: số lượng viên chức (*chưa bao gồm sự nghiệp giáo dục*) là 2.554 người, trong đó (*sự nghiệp y tế 1.900 người, sự nghiệp khác 654 người*).

3.2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, sau sắp xếp (khỏi chính quyền địa phương)

- Chuyển 100% biên chế cấp huyện hiện có để bố trí biên chế cấp xã, trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị cơ sở mới; tăng cường cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh về cấp xã theo quyết định, phân công của cấp có thẩm quyền.

- Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện, cán bộ, công chức của cấp xã hiện có trước sắp xếp và thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định của Chính phủ.

- Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay. Giao UBND cấp xã (*sau khi sắp xếp ĐVHC*) xem xét, có thể sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định.

- Đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập sau sắp xếp (*không bao gồm sự nghiệp giáo dục và sự nghiệp y tế*): dự kiến chuyển về các đơn vị sự nghiệp tương ứng cấp tỉnh quản lý và tổ chức lại theo mô hình khu vực, bảo đảm thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, thực hiện đẩy mạnh tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa bàn.

4. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

- Đối với 1.128 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đề xuất xem xét, có thể sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định.

- Đối với viên chức sau sắp xếp: chuyển 2.554 viên chức (*không bao gồm sự nghiệp giáo dục*) về các đơn vị sự nghiệp công lập tương ứng để thực hiện việc sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp theo mô hình khu vực và thực hiện việc tinh giản trong thời hạn 05 năm.

Phương án cụ thể do các cơ quan chuyên môn tiếp tục hoàn thiện trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện ngay sau khi có Nghị quyết sắp xếp ĐVHC của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy và ĐVHC trên địa bàn, tỉnh Bình Phước đã tiến hành rà soát, đánh giá lại toàn bộ hệ thống trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp công lập cấp xã.

Theo kết quả tổng kiểm kê tài sản, hiện nay toàn tỉnh có tổng cộng 222 trụ sở cấp xã, gồm: 111 Trụ sở làm việc của UBND xã, phường, thị trấn và 111 Trạm y tế xã, phường, thị trấn. Các trụ sở này đang đảm nhiệm vai trò quan trọng trong tổ chức hoạt động của chính quyền địa phương, cung ứng dịch vụ công và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

Dự kiến sẽ tiếp tục sử dụng 40 trụ sở UBND hiện tại cho 40 ĐVHC cấp xã được hình thành sau sắp xếp (trong đó: 11 trụ sở UBND cấp huyện và 29 trụ sở UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn phù hợp theo các tiêu chuẩn).

Đối với 111 Trạm y tế xã, phường, thị trấn tiếp tục giữ lại sử dụng theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp tại Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025.

Sau khi tiếp tục sử dụng 11 trụ sở UBND cấp huyện, 29 trụ sở UBND xã, phường, thị trấn và 111 Trạm y tế xã, phường, thị trấn, xác định còn lại 82 trụ sở UBND xã, phường, thị trấn thuộc diện dồi dư và thực hiện sắp xếp, bố trí lại để tiếp tục sử dụng.

Đối với các trụ sở dồi dư này, tỉnh Bình Phước dự kiến triển khai phương án xử lý theo lộ trình từ năm 2026 đến 2030, bao gồm các hướng xử lý sau:

- Rà soát, thực hiện hoán đổi (điều chuyển) trụ sở giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn có trụ sở dồi dư, thừa, thiếu diện tích so với tiêu chuẩn, định mức để bảo đảm tận dụng tối đa cơ sở vật chất, trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp sẵn có trên địa bàn.

- Ưu tiên chuyển đổi công năng để làm cơ sở y tế, giáo dục, sử dụng cho các mục đích công cộng khác của địa phương (thư viện, công viên, thiết chế văn hóa, thể thao....).

- Thu hồi để giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương quản lý, khai thác (quản lý để phục vụ mục tiêu lâu dài của Nhà nước; bảo quản, bảo vệ tài sản; bố trí cho các cơ quan, đơn vị sử dụng tạm thời; cho thuê nhà gắn với đất;...), giao tổ chức phát triển quỹ đất của địa phương quản lý, phát triển và khai thác theo quy định của pháp luật.

Về phương án xử lý cụ thể do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cùng với Kế hoạch triển khai sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã.

2. Đối với máy móc, thiết bị và các tài sản khác

- Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng thì xử lý theo nguyên tắc cơ quan, tổ chức, đơn vị nào được tiếp nhận nhiệm vụ có sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thì được tiếp nhận tài sản tương ứng để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với máy móc, thiết bị phổ biến, máy móc, thiết bị dùng chung và các tài sản khác thì ưu tiên tận dụng các tài sản còn khả năng sử dụng và chuyển đến địa điểm làm việc mới của đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức để tiếp tục sử dụng, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ sau sắp xếp, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị; hạn chế tối đa việc phải mua sắm mới tài sản.

- Trường hợp còn dôi dư thì thực hiện điều hòa giữa các đơn vị hành chính cấp cơ sở mới trong huyện, trong tỉnh hoặc xử lý theo quy định..

Phương án cụ thể về sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công do các cơ quan chuyên môn tiếp tục hoàn thiện trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện ngay sau khi có Nghị quyết sắp xếp ĐVHC của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã và hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn, UBND tỉnh Bình Phước sẽ chỉ đạo các sở ban ngành và các đơn vị có liên quan tiến hành rà soát các chế độ chính sách tại địa phương và xây dựng Phương án cụ thể, triển khai thực hiện các chế độ chính sách đặc thù tại các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội cấp dưới phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án sắp xếp ĐVHC bảo đảm dân chủ, đúng quy định của pháp luật.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Theo thẩm quyền tham mưu Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phương án sắp xếp tổ chức, nhân sự, bộ máy, biên chế tại các đơn vị thực hiện sắp xếp.

- Chủ trì, phối hợp với Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy và các cơ quan liên quan xây dựng phương án sắp xếp hệ thống tổ chức đảng đồng bộ, tương ứng với sắp xếp ĐVHC.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông tăng cường công tác thông

tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, mục đích, ý nghĩa của việc không tổ chức cấp huyện, thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã để cán bộ, công chức, đảng viên và Nhân dân ở các đơn vị thực hiện sắp xếp ĐVHC được biết, đồng tình ủng hộ.

4. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

Thường xuyên cập nhật các văn bản có liên quan để kịp thời tham mưu Thường trực HĐND tỉnh thông tin, chuyển hoặc hướng dẫn *(theo quy định của pháp luật, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương hoặc văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền - nếu có)* đến HĐND cấp dưới trong việc tổ chức kỳ họp bầu các chức danh theo quy định.

5. Văn phòng UBND tỉnh

- Phối hợp với Sở Nội vụ rà soát các văn bản tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC.

- Trình ký các văn bản và tham mưu tổ chức các cuộc họp của UBND tỉnh liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC.

6. Sở Nội vụ

- Là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh, là đầu mối giúp Ban Chỉ đạo, UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này đảm bảo thời gian, tiến độ đề ra và tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các vấn đề liên quan đến sắp xếp ĐVHC.

- Chủ trì tổng hợp, xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC, hoàn thiện hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết liên quan về sắp xếp ĐVHC.

- Tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh Phương án sắp xếp, bố trí nhân sự khối Nhà nước sau khi sắp xếp ĐVHC trên địa bàn tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho chủ trương.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh, tham mưu UBND tỉnh phương án bố trí, điều tiết, sắp xếp và Quyết định điều động, phân công công tác theo thẩm quyền được phân cấp.

- Tham mưu cho UBND tỉnh trong việc triển khai thực hiện các chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị ảnh hưởng bởi việc sắp xếp ĐVHC; tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến giải quyết chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC theo thẩm quyền.

- Chủ trì hướng dẫn, rà soát, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC các cấp, phân loại ĐVHC tại các ĐVHC hình thành sau sắp xếp.

- Hướng dẫn việc quản lý công tác văn thư, lưu trữ khi thực hiện sắp xếp ĐVHC.

7. Sở Tài chính

- Tham mưu UBND tỉnh nguồn kinh phí thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC theo đúng phân cấp quản lý ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đồng thời quyết toán theo đúng quy định.

- Chủ trì, tham mưu các nội dung liên quan đến lĩnh vực Tài chính (rà soát, xử lý trụ sở, tài chính, tài sản công,...) trong quá trình xây dựng, thực hiện phương án, Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã.

- Cung cấp số liệu, tổng hợp rà soát báo cáo phương án xử lý trụ sở, tài sản công khi sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã phục vụ xây dựng Đề án.

- Hướng dẫn việc thực hiện nguồn đầu tư công tại ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo quy định của pháp luật trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Hướng dẫn việc chuyển đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép đăng ký kinh doanh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp

8. Sở Tư pháp

- Tham mưu hướng dẫn các địa phương thực hiện sắp xếp đảm bảo ĐVHC cũ làm tốt công tác bàn giao hồ sơ tư pháp về ĐVHC mới; đồng thời làm tốt công tác quản lý hộ tịch theo đúng quy định; phối hợp với cơ quan chức năng hướng dẫn các ĐVHC mới thành lập trong việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho tổ chức và công dân liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành.

- Hướng dẫn xử lý các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực hộ tịch, đăng ký các biện pháp đảm bảo khi thực hiện sắp xếp ĐVHC.

- Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn công tác phổ biến giáo dục pháp luật khi sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, việc áp dụng pháp luật về các nội dung liên quan khi thực hiện thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC thực hiện sắp xếp.

9. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Cung cấp số liệu diện tích tự nhiên theo kết quả kiểm kê đất đai của từng ĐVHC trên địa bàn tỉnh để Sở Nội vụ có cơ sở thẩm định, tổng hợp hoàn thiện Đề án.

- Hướng dẫn và tham mưu thực hiện rà soát, chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp ĐVHC do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC sau sắp xếp.

- Hướng dẫn việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh các vấn đề liên quan đến xây dựng nông thôn mới và các chính sách theo Chương trình mục tiêu Quốc gia nông thôn mới, các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững của các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

10. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn các địa phương rà soát, thực hiện thủ tục phân loại đô thị khi sắp xếp ĐVHC nông thôn vào đô thị; rà soát, đánh giá, hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị sau khi có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Tham mưu UBND tỉnh, hướng dẫn các địa phương rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị để đảm bảo sự thống nhất giữa các cấp độ quy hoạch với phương án sắp xếp ĐVHC sau khi có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn về chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật, điều chỉnh chữ ký số trong thực hiện sắp xếp ĐVHC trước, trong và sau sắp xếp.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tập trung thông tin, tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, các cấp, các ngành, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, của các ngành, các cấp, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong việc rà soát xây dựng phương án tổng thể, Đề án và triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC.

- Hướng dẫn ĐVHC các cấp tổ chức việc thống kê, quản lý các di tích văn hóa, thiết chế văn hóa trên địa bàn các ĐVHC hình thành sau sắp xếp và công tác bàn giao, quản lý, sử dụng đối với ĐVHC mới được thành lập đảm bảo phù hợp và đúng quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc bàn giao hồ sơ, tài liệu tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

13. Sở Y tế

Hướng dẫn về sắp xếp, tổ chức cơ sở y tế tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

14. Sở Giáo dục và Đào tạo

Hướng dẫn bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp.

15. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Rà soát, cung cấp số liệu về người dân tộc thiểu số; danh sách các ĐVHC thuộc miền núi, vùng cao phục vụ xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC.

- Phối hợp với Sở Nội vụ giải quyết các phát sinh về dân tộc và tôn giáo tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

16. Thanh tra tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo của người dân, tổ chức tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

17. Công an tỉnh

- Rà soát, cung cấp các số liệu liên quan đến dân số tại các ĐVHC trên địa bàn tỉnh phục vụ việc xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC.

- Hướng dẫn việc thực hiện thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của các cơ quan, tổ chức tại các ĐVHC mới sau khi sắp xếp; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú, các loại giấy tờ của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi; hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực lý lịch tư pháp sau khi sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC.

18. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Cung cấp danh sách các ĐVHC có vị trí trọng yếu về quốc phòng. Hướng dẫn và thực hiện rà soát, xác định ĐVHC hình thành sau sắp xếp là đơn vị trọng điểm về quốc phòng.

- Hướng dẫn về tổ chức, sắp xếp lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ sau sắp xếp ĐVHC (nếu có).

19. UBND cấp huyện

- Xây dựng kế hoạch triển khai việc sắp xếp ĐVHC trên địa bàn. Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến cử tri theo quy định, chịu trách nhiệm về kết quả lấy ý kiến cử tri.

- Chỉ đạo UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp xem xét, cho ý kiến, đồng thời, trình HĐND cấp huyện lấy ý kiến đối với Đề án của tỉnh về sắp xếp ĐVHC trên địa bàn.

- Hoàn chỉnh hồ sơ lấy ý kiến cử tri và Nghị quyết của HĐND các cấp của địa phương báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng Phương án tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự các đơn vị dự kiến hình thành sau sắp xếp.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ, các sở, ngành liên quan để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC.

- Chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp và chỉ đạo UBND cấp xã trực thuộc tổ chức thông tin, tuyên truyền về chủ trương, phương án và các nội dung liên quan đến sắp xếp ĐVHC nhằm tạo sự đồng thuận của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về chủ trương, phương án và các nội dung liên quan đến sắp xếp ĐVHC.

20. UBND cấp xã

- Báo cáo UBND cấp huyện hiện trạng sử dụng biên chế cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách để giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

- Chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp thực hiện việc tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận của cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách và Nhân dân địa phương trong việc thực hiện xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC cấp xã tại địa phương.

21. Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã căn cứ nhiệm vụ được giao và văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai, đôn đốc và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC theo ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

UBND tỉnh Bình Phước đã triển khai xây dựng hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã theo đúng chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Việc xây dựng Đề án bám sát các Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025, Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và các văn bản chỉ đạo liên quan.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Phước được thực hiện theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp (*cấp tỉnh và cấp xã*), không tổ chức cấp huyện, bảo đảm tinh gọn bộ máy, giảm tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu quả điều hành, đáp ứng yêu cầu đổi mới hệ thống chính trị trong bối cảnh hiện nay. Quá trình triển khai luôn tuân thủ nguyên tắc khách quan, dân chủ, khoa học, thực tiễn, không làm gián đoạn hoạt động quản lý nhà nước, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân, bảo đảm sự đồng thuận trong toàn xã hội. Việc sắp xếp không chỉ nhằm mục tiêu tinh giản tổ chức, mà còn hướng tới nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã đã được triển khai lấy ý kiến Nhân dân và HĐND các cấp tại các địa phương. Kết quả lấy ý kiến đạt được sự đồng thuận cao từ nhân dân với tỷ lệ 96,87% ý kiến đồng ý và đã được 111/111 HĐND xã, phường, thị trấn, 11/11 HĐND huyện, thị xã, thành phố, HĐND tỉnh tán thành thông qua chủ trương.

Với tinh thần trách nhiệm cao, UBND tỉnh Bình Phước đã hoàn thiện hồ sơ Đề án theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Đây là bước đi quan trọng nhằm hiện thực hóa chủ trương đổi mới mô hình tổ chức chính quyền địa phương, xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

2. Kiến nghị, đề xuất

Sau quá trình triển khai nghiêm túc, hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Phước đã được hoàn thiện, đảm bảo tính hợp lý, khả thi và phù hợp với thực tiễn địa phương. UBND tỉnh trân trọng kiến nghị Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định nhằm sớm triển khai thực hiện Đề án, góp phần kiện toàn bộ máy chính quyền địa phương, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (5b);
- LĐVP, NC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 2.1

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ HIỆN NAY

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
I	THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI								
1	Các xã								
1.1	Xã Tân Thành	55,61	185,37	16.360	102,25				x
1.2	Xã Tiến Hưng	50,05	166,83	21.726	135,79				x
2.	Các phường								
2.1	Phường Tiến Thành	25,72	467,64	19.527	92,99				x
2.2	Phường Tân Phú	9,59	174,36	27.706	131,93				x
2.3	Phường Tân Đồng	7,88	143,27	13.048	62,13				x
2.4	Phường Tân Thiện	3,58	65,09	12.663	60,30				x
2.5	Phường Tân Bình	5,22	94,91	15.221	72,48				x
2.6	Phường Tân Xuân	10,06	182,91	21.076	100,36				x
II	THỊ XÃ BÌNH LONG								
1	Các xã								
1.1	Xã Thanh Phú	29,51	29,51	11.502	230,04	X			x

1.2	Xã Thanh Lương	52,59	52,59	16.391	327,82	X			x
2.	Các phường								
2.1	Phường An Lộc	8,74	158,91	16.642	79,25				x
2.2	Phường Hưng Chiến	22,88	416,00	13.952	66,44				x
2.3	Phường Phú Đức	6,05	110,00	5.377	25,60				x
2.4	Phường Phú Thịnh	6,64	120,73	7.638	36,37				x
III	THỊ XÃ PHƯỚC LONG								
1.	Các xã								
1.1	Xã Phước Tín	30,10	30,10	9.273	185,46	X			x
1.2	Xã Long Giang	21,90	73,00	4.213	26,33				x
2.	Các phường								
2.1	Phường Long Phước	12,53	227,82	23.447	111,65				x
2.2	Phường Phước Bình	13,05	237,27	12.238	58,28				x
2.3	Phường Long Thủy	4,20	76,36	9.057	43,13				x
2.4	Phường Thác Mơ	21,69	394,36	8.646	41,17				x
2.5	Phường Sơn Giang	15,88	288,73	6.169	29,38				x
IV	THỊ XÃ CHƠN THÀNH								
1.	Các xã								
1.1	Xã Quang Minh	29,20	97,33	3.295	20,59				x
1.2	Xã Nha Bích	49,54	165,13	6.954	43,46				x
1.3	Xã Minh Thắng	37,51	125,03	5.285	33,03				x
1.4	Xã Minh Lập	50,01	166,70	10.039	62,74				x

2.	Các phường								
2.1	Phường Minh Long	37,62	684,00	8.080	38,48				x
2.2	Phường Minh Hưng	62,05	1128,18	26.043	124,01				x
2.3	Phường Hưng Long	32,10	583,64	22.920	109,14				x
2.4	Phường Thành Tâm	40,39	734,36	10.286	48,98				x
2.5	Phường Minh Thành	51,92	944,00	8.294	39,50				x
V	HUYỆN HÓN QUẢN								
1.	Các xã								
1.1	Xã Thanh Bình	11,47	38,23	5.077	31,73				x
1.2	Xã Tân Quan	28,80	96,00	6.174	38,59				x
1.3	Xã Phước An	44,46	44,46	11.118	222,36	X			x
1.4	Xã Tân Lợi	45,85	152,83	9.798	61,24				x
1.5	Xã Tân Hưng	96,39	321,30	14.119	88,24				x
1.6	Xã An Khương	45,95	45,95	8.341	166,82	X			x
1.7	Xã Thanh An	62,32	62,32	13.038	260,76	X			x
1.8	Xã Đồng Nơ	47,13	157,10	7.338	45,86				x
1.9	Xã Tân Hiệp	71,93	239,77	10.221	63,88				x
1.10	Xã An Phú	41,23	41,23	5.189	103,78	X			x
1.11	Xã Minh Tâm	72,95	243,17	5.801	36,26				x
1.12	Xã Minh Đức	52,93	176,43	5.954	37,21				x
2.	Các thị trấn								

2.1	Thị trấn Tân Khai	42,73	142,43	18.581	116,13				x
VI	HUYỆN LỘC NINH								
1.	Các xã								
1.1	Xã Lộc An	65,53	65,53	8.684	173,68	X		BG	x
1.2	Xã Lộc Thành	127,05	127,05	9.897	197,94	X		BG, ATK	x
1.3	Xã Lộc Thịnh	79,05	79,05	5.441	108,82	X			x
1.4	Xã Lộc Thái	15,75	52,50	8.887	55,54				x
1.5	Xã Lộc Thuận	43,46	144,87	10.697	66,86			ATK	x
1.6	Xã Lộc Hưng	29,68	98,93	9.261	57,88			ATK	x
1.7	Xã Lộc Điền	31,85	106,17	9.888	61,80				x
1.8	Xã Lộc Khánh	37,49	124,97	7.451	46,57				x
1.9	Xã Lộc Tấn	121,65	121,65	13.381	267,62	X		BG, ATK	x
1.10	Xã Lộc Thiện	61,71	61,71	10.316	206,32	X		BG	x
1.11	Xã Lộc Hòa	50,17	50,17	6.432	128,64	X		BG	x
1.12	Xã Lộc Thạnh	75,32	75,32	3.907	78,14	X		BG	x
1.13	Xã Lộc Quang	43,72	43,72	8.484	169,68	X		ATK	x
1.14	Xã Lộc Phú	32,34	32,34	7.597	151,94	X			x
1.15	Xã Lộc Hiệp	28,89	28,89	10.233	204,66	X		ATK	x
2.	Các thị trấn								
2.1	Thị trấn Lộc Ninh	8,21	27,37	12.629	78,93			ATK	x
VII	HUYỆN BÙ ĐÓP								
1.	Các xã								

1.1	Xã Tân Tiến	42,34	42,34	13.506	270,12	X		BG	x
1.2	Xã Tân Thành	39,60	39,60	16.360	327,20	X		BG	x
1.3	Xã Thanh Hòa	46,62	46,62	11.392	227,84	X		BG	x
1.4	Xã Thiện Hưng	49,98	49,98	14.015	280,30	X		BG	x
1.5	Xã Hưng Phước	49,08	49,08	7.031	140,62	X		BG	x
1.6	Xã Phước Thiện	138,11	138,11	5.396	107,92	X		BG	x
2.	Các thị trấn								
2.1	Thị trấn Thanh Bình	14,37	14,37	9.634	192,68	X		BG	x
VIII	HUYỆN BÙ GIA MẬP								
1.	Các xã								
1.1	Xã Bù Gia Mập	342,51	342,51	8.274	165,48	X		BG, KK	
1.2	Xã Đăk Ô	246,49	246,49	19.369	387,38	X		BG, KK	
1.3	Xã Phú Văn	83,05	83,05	11.209	224,18	X		KK	x
1.4	Xã Đức Hạnh	48,03	48,03	7.305	146,10	X			x
1.5	Xã Phú Nghĩa	148,32	148,32	15.406	308,12	X			x
1.6	Xã Phước Minh	70,55	70,55	9.943	198,86	X			x
1.7	Xã Đa Kia	67,42	67,42	11.806	236,12	X			x
1.8	Xã Bình Thắng	58,28	58,28	10.003	200,06	X			x
XIX	HUYỆN PHÚ RIỀNG								
1.	Các xã								
1.1	Xã Long Bình	94,95	94,95	10.152	203,04	X			x
1.2	Xã Long Hưng	43,04	43,04	9.284	185,68	X			x
1.3	Xã Bình Tân	52,90	52,90	9.206	184,12	X			x

1.4	Xã Long Hà	93,79	93,79	17.157	343,14	X			x
1.5	Xã Long Tân	74,59	74,59	10.457	209,14	X			x
1.6	Xã Bù Nho	39,62	39,62	15.817	316,34	X			x
1.7	Xã Phú Riêng	77,75	77,75	20.415	408,30	X			x
1.8	Xã Phước Tân	122,38	122,38	8.797	175,94	X			x
1.9	Xã Phú Trung	49,65	49,65	4.788	95,76	X			x
1.10	Xã Bình Sơn	25,09	25,09	4.873	97,46	X			x
X	HUYỆN ĐỒNG PHÚ								
1.	Các xã								
1.1	Xã Thuận Phú	90,88	90,88	12.391	247,82	X			x
1.2	Xã Thuận Lợi	76,35	76,35	11.264	225,28	X			x
1.3	Xã Đồng Tâm	89,62	89,62	9.577	191,54	X			x
1.4	Xã Đồng Tiến	62,48	62,48	16.218	324,36	X			x
1.5	Xã Tân Phước	96,68	96,68	9.778	195,56	X			x
1.6	Xã Tân Lợi	123,53	123,53	4.733	94,66	X			x
1.7	Xã Tân Hưng	120,33	120,33	14.119	282,38	X			x
1.8	Xã Tân Tiến	34,34	34,34	13.506	270,12	X			x
1.9	Xã Tân Lập	71,90	239,67	12.227	76,42				x
1.10	Xã Tân Hòa	135,92	453,08	3.922	24,51				x
2.	Các thị trấn								
2.1	Thị trấn Tân Phú	32,42	108,08	19.824	123,90				x
XI	HUYỆN BÙ ĐĂNG								
1.	Các xã								

1.1	Xã Đăng Hà	166,57	166,57	6.593	131,86	X			x
1.2	Xã Thống Nhất	138,68	138,68	17.359	347,18	X			x
1.3	Xã Phước Sơn	81,31	81,31	7.053	141,06	X			x
1.4	Xã Đức Liễu	87,83	87,83	15.783	315,66	X			x
1.5	Xã Nghĩa Bình	47,55	47,55	5.739	114,78	X			x
1.6	Xã Nghĩa Trung	86,66	288,87	11.375	71,09				x
1.7	Xã Đoàn Kết	86,30	86,30	6.679	133,58	X			x
1.8	Xã Minh Hưng	58,83	58,83	12.778	255,56	X			x
1.9	Xã Đồng Nai	107,41	107,41	6.077	121,54	X			x
1.10	Xã Phú Sơn	122,77	122,77	6.529	130,58	X			x
1.11	Xã Thọ Sơn	77,51	77,51	8.851	177,02	X			x
1.12	Xã Đường 10	85,01	85,01	9.296	185,92	X			x
1.13	Xã Đak Nhau	97,46	97,46	14.389	287,78	X			x
1.14	Xã Bom Bo	110,13	110,13	14.491	289,82	X			x
1.15	Xã Bình Minh	135,74	135,74	12.573	251,46	X			x
2.	Các thị trấn								
2.1	Thị trấn Đức Phong	11,01	11,01	12.688	253,76	X			x

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
I	HUYỆN BÙ GIA MẬP							
1.	Các xã							
1.1	Xã Bù Gia Mập	342,51	342,51	8.274	165,48	X		BG, KK
1.2	Xã Đăk Ô	246,49	246,49	19.369	387,38	X		BG, KK

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THỐNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù khác (nếu có)
				Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
I.	THỊ XÃ CHƠN THÀNH									
1.	Các xã									
1.1	Xã Nha Bích	Thành lập xã Nha Bích trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Nha Bích, xã Minh Thắng và xã Minh Lập thuộc thị xã Chơn Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Minh Thắng.	2	137,06	456,87	22.278	139,24			
2.	Các phường									
2.1	Phường Minh Hưng	Thành lập phường Minh Hưng trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm phường Minh Long, phường Minh Hưng thuộc thị xã Chơn Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Minh Hưng.	1	99,67	1812,18	34.123	162,49			
2.2	Phường Chơn Thành	Thành lập phường Chơn Thành trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm phường Hưng Long, phường Thành Tâm và phường Minh Thành thuộc thị xã Chơn Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành.	2	124,41	2262,00	41.500	197,619			

II	HUYỆN HÓN QUẢN									
1	Các xã									
1.1	Xã Tân Quan	Thành lập xã Tân Quan trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm xã Quang Minh thuộc thị xã Chơn Thành và xã Tân Quan, xã Phước An, Tân Lợi thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Phước An.	3	148,31	148,31	30.385	607,7			
1.2	Xã Tân Hưng	Thành lập xã Tân Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Tân Hưng, xã An Khương và xã Thanh An thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Hưng.	2	204,66	204,66	35.498	709,96			
1.3	Xã Tân Khai	Thành lập xã Tân Khai trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm thị trấn Tân Khai, xã Đồng Nơ và xã Tân Hiệp thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Hớn Quản.	2	161,79	539,30	36.140	225,88			
1.4	Xã Minh Đức	Thành lập xã Minh Đức trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã An Phú, xã Minh Tâm và xã Minh Đức thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Minh Tâm.	2	167,11	167,11	16.944	338,88	X		
III.	THỊ XÃ BÌNH LONG									
1	Các xã: 0									
2	Các phường									
2.1	Phường Bình Long	Thành lập phường Bình Long trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm phường An Lộc, phường Hưng Chiến, phường Phú Đức thuộc thị xã Bình Long và xã Thanh Bình thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Bình Long.	3	49,14	893,45	41.048	195,47			

2.2	Phường An Lộc	Thành lập phường An Lộc trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm phường Phú Thịnh, xã Thanh Phú và xã Thanh Lương thuộc thị xã Bình Long. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thanh Phú.	2	88,74	1613,42	35.531	236,87			
IV.	HUYỆN LỘC NINH									
1	Các xã									
1.1	Xã Lộc Thành	Thành lập xã Lộc Thành trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Thành và xã Lộc Thịnh thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Thành.	1	206,10	206,10	15.338	306,76	X		BG, ATK
1.2	Xã Lộc Ninh	Thành lập xã Lộc Ninh trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm thị trấn Lộc Ninh, xã Lộc Thái, xã Lộc Thuận thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Lộc Ninh.	2	67,42	224,73	32.213	201,33			ATK
1.3	Xã Lộc Hưng	Thành lập xã Lộc Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Hưng, xã Lộc Điền và xã Lộc Khánh thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Hưng.	2	99,02	330,07	26.600	166,25			ATK
1.4	Xã Lộc Tấn	Thành lập xã Lộc Tấn trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Tấn và xã Lộc Thiện thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Tấn.	1	183,36	183,36	23.697	473,94	X		BG, ATK
1.5	xã Lộc Thạnh	Thành lập xã Lộc Thạnh trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Hòa và xã Lộc Thạnh thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Thạnh.	1	125,49	125,49	10.339	206,78	X		BG

1.6	Xã Lộc Quang	Thành lập xã Lộc Quang trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Quang, xã Lộc Phú và xã Lộc Hiệp thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Phú	2	104,95	104,95	26.314	526,28	X		ATK
V	HUYỆN BÙ ĐÓP									
1	Các xã									
1.1	Xã Tân Tiến	Thành lập xã Tân Tiến trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc An thuộc huyện Lộc Ninh và xã Tân Tiến, xã Tân Thành thuộc huyện Bù Đốp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Thành.	2	147,47	147,47	38.550	771,00	X		BG
1.2	Xã Thiện Hưng	Thành lập xã Thiện Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Thanh Hòa, thị trấn Thanh Bình và xã Thiện Hưng thuộc huyện Bù Đốp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Đốp.	2	110,97	110,97	35.041	700,82	X		BG
1.3	Xã Hưng Phước	Thành lập xã Hưng Phước trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Hưng Phước và xã Phước Thiện thuộc huyện Bù Đốp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Hưng Phước.	1	187,19	187,19	12.427	248,54	X		BG
VI.	HUYỆN BÙ GIA MẬP									
1	Các xã									
1.1	Xã Bù Gia Mập	Thành lập xã Bù Gia Mập trên cơ sở nguyên trạng xã Bù Gia Mập thuộc huyện Bù Gia Mập. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Bù Gia Mập.	0	342,51	342,51	8.274	165,48	X		BG, KK
1.2	Xã Đăk Ô	Thành lập xã Đăk Ô trên cơ sở nguyên trạng xã Đăk Ô thuộc huyện Bù Gia Mập. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đăk Ô.	0	246,49	246,49	19.369	387,38	X		BG, KK

1.3	Xã Phú Nghĩa	Thành lập xã Phú Nghĩa trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Phú Nghĩa, xã Phú Văn và xã Đức Hạnh thuộc huyện Bù Gia Mập. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập.	2	279,40	279,40	33.920	678,40	X		KK
1.4	Xã Đa Kì	Thành lập xã Đa Kì trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Phước Minh, xã Đa Kì và xã Bình Thắng thuộc huyện Bù Gia Mập. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đa Kì.	2	196,25	196,25	31.752	635,04	X		
VII.	THỊ XÃ PHƯỚC LONG									
1	Các xã: 0									
2	Các phường									
2.1	Phường Phước Bình	Thành lập phường Phước Bình trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm xã Bình Sơn thuộc huyện Phú Riềng và xã Long Giang, phường Long Phước, phường Phước Bình thuộc thị xã Phước Long. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Phước Long.	3	72,57	1319,45	44.771	298,47	X		
2.2	Phường Phước Long	Thành lập phường Phước Long trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm phường Long Thủy, phường Thác Mơ, phường Sơn Giang và xã Phước Tín thuộc thị xã Phước Long. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Long Thủy.	3	71,87	1306,73	33.145	220,97			
VIII.	HUYỆN PHÚ RIỀNG									
1	Các xã									
1.1	Xã Bình Tân	Thành lập xã Bình Tân trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Long Bình, xã Long Hưng và xã Bình Tân thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Long Hưng.	2	190,89	190,89	28.642	572,84	X		

1.2	Xã Long Hà	Thành lập xã Long Hà trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Long Hà và xã Long Tân thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Long Hà.	1	168,38	168,38	27.614	552,28	X		
1.3	Xã Phú Riềng	Thành lập xã Phú Riềng trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Bù Nho và xã Phú Riềng thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1	117,37	117,37	36.232	724,64	X		
1.4	Xã Phú Trung	Thành lập xã Phú Trung trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Phước Tân và xã Phú Trung thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Phú Trung.	1	172,03	172,03	13.585	271,70	X		
XIX	THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI									
1	Các xã: 0									
2	Các phường									
2.1	Phường Đồng Xoài	Thành lập phường Đồng Xoài trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Tân Thành và phường Tiến Thành thuộc thành phố Đồng Xoài. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Tiến Thành	1	81,33	1478,73	35.887	170,89			
2.2	Phường Bình Phước	Thành lập phường Bình Phước trên cơ sở nhập 06 ĐVHC cấp xã gồm phường Tân Phú, phường Tân Đồng, phường Tân Thiện, phường Tân Bình, phường Tân Xuân và xã Tiến Hưng thuộc thành phố Đồng Xoài. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thành phố Đồng Xoài.	5	86,38	1570,55	111.440	530,67			
X.	HUYỆN ĐỒNG PHÚ									
1	Các xã									

1.1	Xã Thuận Lợi	Thành lập xã Thuận Lợi trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Thuận Phú và xã Thuận Lợi thuộc huyện Đồng Phú. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thuận Phú.	1	167,23	167,23	23.655	473,10	X		
1.2	Xã Đồng Tâm	Thành lập xã Đồng Tâm trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đồng Tâm, xã Đồng Tiến và xã Tân Phước thuộc huyện Đồng Phú. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đồng Tiến.	2	248,78	248,78	35.573	711,46	X		
1.3	Xã Tân Lợi	Thành lập xã Tân Lợi trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Tân Lợi, xã Tân Hưng và xã Tân Hòa thuộc huyện Đồng Phú. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Lợi.	2	379,78	379,78	22.774	455,48	X		
1.4	Xã Đồng Phú	Thành lập xã Đồng Phú trên cơ sở 03 ĐVHC cấp xã gồm thị trấn Tân Phú, xã Tân Tiến và xã Tân Lập thuộc huyện Đồng Phú. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Đồng Phú.	2	138,66	138,66	45.557	911,14	X		
XI.	HUYỆN BÙ ĐĂNG									
1	Các xã									
1.1	Xã Phước Sơn	Thành lập xã Phước Sơn trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đăng Hà, xã Thống Nhất và xã Phước Sơn thuộc huyện Bu Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thống Nhất.	2	386,56	386,56	31.005	620,10	X		
1.2	Xã Nghĩa Trung	Thành lập xã Nghĩa Trung trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đức Liễu, xã Nghĩa Bình và xã Nghĩa Trung thuộc huyện Bu Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đức Liễu.	2	222,04	222,04	32.897	657,94	X		

1.3	Xã Bù Đăng	Thành lập xã Bù Đăng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đoàn Kết, thị trấn Đức Phong và xã Minh Hưng thuộc huyện Bù Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Đăng.	2	156,14	156,14	32.145	642,90	X		
1.4	Xã Thọ Sơn	Thành lập xã Thọ Sơn trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đồng Nai, xã Phú Sơn và xã Thọ Sơn thuộc huyện Bù Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thọ Sơn.	2	307,69	307,69	21.457	429,14	X		
1.5	Xã Đak Nhau	Thành lập xã Đak Nhau trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Đường 10 và xã Đak Nhau thuộc huyện Bù Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đak Nhau	1	182,47	182,47	23.685	473,70	X		
1.6	Xã Bom Bo	Thành lập xã Bom Bo trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Bom Bo và xã Bình Minh thuộc huyện Bù Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Bom Bo.	1	245,87	245,87	27.064	541,28	X		

Phụ lục 2.4

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)

ĐVHC cấp xã	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
Xã	86	2	0	84	32	0	54
Phường	20	0	0	20	8	0	12
Thị trấn	5	0	0	5	0	0	5
Tổng	111	2	0	109	40	0	71

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CBCC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ VÀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, BỐ TRÍ
SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên đơn vị	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tinh giản theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29...)			
		Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A	CẤP XÃ	1.320	1.347		1.759	1.166	1.150		1.128	293	145	0	Kết thúc hoạt động theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương tại Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025
I	Thành phố Đồng Xoài	96	110		136	85	103		93	28	19		
1	Các xã												
1.1	Xã Tân Thành	12	13		16	11	11		13	3	2		
1.2	Xã Tiến Hưng	12	13		17	10	11		10	5	1		
2	Các phường												
2.1	Pường Tân Phú	12	15		18	11	13		12	4	2		
2.2	Pường Tân Bình	12	15		17	10	14		12	0	2		
2.3	Pường Tân Đồng	12	13		16	11	13		12	5	4		
2.4	Pường Tân Thiện	12	13		16	11	13		10	5	2		
2.5	Pường Tân Xuân	12	14		18	11	14		13	3	2		
2.6	Pường Tiến Thành	12	14		18	10	14		11	3	4		
II	Thị xã Bình Long	70	74		92	61	58		66	14	8	0	
1	Các xã												
1.1	Xã Thanh Lương	12	13		17	10	10		15	3	3		
1.2	Xã Thanh Phú	12	12		17	11	10		11	3	3		
2	Các phường												

2.1	Phường An Lộc	12	15		17	11	11		11	0	0	
2.2	Phường Hưng Chiến	12	14		17	11	11		10	3	1	
2.3	Phường Phú Đức	11	10		12	10	8		9	3	0	
2.4	Phường Phú Thịnh	11	10		12	8	8		10	2	1	
III	Thị xã Phước Long	79	87		105	70	62		65	9	1	0
1	Các xã											
1.1	Xã Long Giang	11	9		12	10	8		8	0	0	
1.2	Xã Phước Tín	12	11		15	11	6		9	2	0	
2	Các phường											
2.1	Phường Sơn Giang	11	11		13	10	9		9	2	0	
2.2	Phường Phước Bình	11	13		15	10	10		10	0	0	
2.3	Phường Long Thủy	11	11		13	9	10		8	1	1	
2.4	Phường Long Phước	12	19		22	10	10		11	1	0	
2.5	Phường Thác Mơ	11	13		15	10	9		10	3	0	
IV	Thị xã Chơn Thành	107	144		174	92	84		94	15	9	0
1	Các xã											
1.1	Xã Nha Bích	12	15		19	11	10		14	0	3	
1.2	Xã Minh Thắng	12	15		19	11	10		12	2	1	
1.3	Xã Minh Lập	12	15		19	11	9		12	2	0	
1.4	Xã Quang Minh	11	12		15	8	8		6	2	3	
2	Các phường											
2.1	Phường Hưng Long	12	18		21	10	10		13	2	0	
2.2	Phường Minh Hưng	12	18		21	11	9		11	3	1	
2.3	Phường Thành Tâm	12	17		20	11	9		9	2	0	
2.4	Phường Minh Thành	12	17		20	9	10		10	1	0	
2.5	Phường Minh Long	12	17		20	10	9		7	1	1	
V	Huyện Bù Đăng	191	189		252	167	176		159	45	15	0
1	Thị trấn Đức Phong	12	11		15	11	9		12	3	2	
2	Xã Bình Minh	12	13		17	10	13		10	2	0	
3	Xã Bom Bo	12	14		18	9	14		11	2	2	
4	Xã Đak Nhau	12	13		17	10	12		7	3	0	
5	Xã Đăng Hà	12	12		16	11	12		13	4	2	
6	Xã Đoàn Kết	12	10		14	11	10		9	3	2	
7	Xã Đồng Nai	12	11		15	10	10		12	1	0	
8	Xã Đức Liễu	12	14		18	10	13		11	1	2	
9	Xã Đường 10	12	11		15	11	11		6	3	0	
10	Xã Minh Hưng	12	13		17	10	11		9	1	1	

11	Xã Nghĩa Bình	11	9		12	11	8		9	4	2	
12	Xã Nghĩa Trung	12	11		15	11	11		11	6	0	
13	Xã Phú Sơn	12	11		15	10	10		7	3	1	
14	Xã Phước Sơn	12	10		14	11	9		9	5	0	
15	Xã Thọ Sơn	12	11		15	10	9		9	2	1	
16	Xã Thống Nhất	12	15		19	11	14		14	2	0	
VI	Huyện Bù Đốp	84	79		107	77	72		82	20	14	0
1	Xã Tân Tiến	12	11		15	11	10		14	5	1	
2	Xã Tân Thành	12	12		16	12	11		15	4	1	
3	Xã Hưng Phước	12	11		15	10	10		11	3	3	
4	Xã Phước Thiện	12	11		15	11	10		11	0	1	
5	Xã Thanh Hòa	12	12		16	11	11		12	3	3	
6	Xã Thiện Hưng	12	12		16	11	10		9	3	3	
7	Thị trấn Thanh Bình	12	10		14	11	10		10	2	2	
VII	Huyện Bù Gia Mập	96	104		136	86	103		87	10	15	0
1	Xã Bù Gia Mập	12	15		19	11	15		17	0	1	
2	Xã Đăk Ô	12	16		20	11	16		15	1	3	
3	Xã Phú Nghĩa	12	14		17	10	13		12	0	2	
4	Xã Phú Vãn	12	12		16	12	12		9	2	2	
5	Xã Đức Hạnh	12	11		16	11	11		10	1	2	
6	Xã Đa Kia	12	12		16	11	12		8	1	1	
7	Xã Bình Thắng	12	12		16	10	12		6	2	0	
8	Xã Phước Minh	12	12		16	10	12		10	3	4	
VIII	Huyện Đồng Phú	132	127		171	122	125		110	37	7	0
1	Thị trấn Tân Phú	12	13		17	11	13		11	1	0	
2	Xã Tân Tiến	12	13		17	12	12		12	6	1	
3	Xã Tân Lập	12	12		16	11	12		9	5	1	
4	Xã Tân Hòa	12	11		15	11	11		10	2	1	
5	Xã Tân Lợi	12	9		13	11	9		11	4	1	
6	Xã Tân Hưng	12	9		13	11	9		7	4	0	
7	Xã Tân Phước	12	11		15	11	10		9	4	0	
8	Xã Đồng Tiến	12	14		18	11	14		13	1	0	
9	Xã Đồng Tâm	12	11		15	11	11		9	3	0	
10	Xã Thuận Phú	12	12		16	11	12		10	5	1	
11	Xã Thuận Lợi	12	12		16	11	12		9	2	2	
IX	Huyện Hớn Quản	155	144		195	132	124		107	47	27	0
1	Thị trấn Tân Khai	12	14		18	10	10		9	1	1	

2	Xã An Khương	12	11		15	10	10		7	2	1	
3	Xã An Phú	12	10		14	9	10		9	4	1	
4	Xã Đồng Nơ	12	10		14	11	9		7	7	2	
5	Xã Phước An	12	12		16	8	9		7	2	0	
6	Xã Minh Đức	12	10		14	10	10		7	5	4	
7	Xã Minh Tâm	12	11		15	10	10		8	1	2	
8	Xã Tân Lợi	12	10		14	10	10		10	4	5	
9	Xã Tân Hiệp	12	11		15	11	10		10	2	2	
10	Xã Tân Hưng	12	13		17	11	9		11	6	5	
11	Xã Tân Quan	12	10		14	11	8		6	5	2	
12	Xã Thanh An	12	13		17	11	11		10	5	1	
13	Xã Thanh Bình	11	9		12	10	8		6	3	1	
X	Huyện Lộc Ninh	192	171		235	168	138		156	47	25	0
1	Xã Lộc Khánh	12	10		15	10	8		10	2	3	
2	Xã Lộc Thành	12	12		15	10	8		13	5	0	
3	Xã Lộc Hiệp	12	12		15	11	10		10	0	0	
4	Xã Lộc An	12	11		15	10	9		10	5	4	
5	Xã Lộc Hòa	12	10		14	10	8		11	6	2	
6	Xã Lộc Quang	12	11		15	10	8		7	3	2	
7	Xã Lộc Thạnh	12	10		14	11	9		6	4	2	
8	Xã Lộc Thịnh	12	10		15	11	9		9	3	1	
9	Xã Lộc Điền	12	10		15	11	9		10	2	4	
10	Xã Lộc Hưng	12	10		15	11	10		11	1	1	
11	Xã Lộc Thái	12	8		13	11	7		10	2	0	
12	Thị trấn Lộc Ninh	12	11		15	11	7		9	5	0	
13	Xã Lộc Phú	12	10		14	9	9		10	4	0	
14	Xã Lộc Thiện	12	12		15	11	10		10	3	2	
15	Xã Lộc Thuận	12	10		14	10	8		9	2	3	
16	Xã Lộc Tấn	12	14		16	11	9		11	0	1	
XI	Huyện Phú Riềng	118	118		156	106	105		109	21	5	0
1	Xã Bù Nho	12	13		17	11	13		12	2	0	
2	Xã Phú Trung	11	10		15	10	8		9	1	0	
3	Xã Long Bình	12	12		16	11	11		12	6	1	
4	Xã Long Hưng	12	11		16	11	11		11	1	1	
5	Xã Bình Tân	12	11		15	11	10		8	1	0	
6	Xã Bình Sơn	11	9		14	9	8		7	0	0	
7	Xã Phước Tân	12	12		15	11	10		9	1	1	

8	Xã Phú Riêng	12	15		16	11	12		14	0	0		
9	Xã Long Hà	12	14		17	11	12		14	4	1		
10	Xã Long Tân	12	11		15	10	10		13	5	1		
B	CẤP HUYỆN												
	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện bố trí về cấp xã	71	764	13.492		70	659	12.803		16	73	174	
C	TỔNG CẤP HUYỆN, CẤP XÃ (A+B)	1.391	2.111	13.492	1.759	1.236	1.809	12.803	1.128	309	218	174	

Phụ lục 2.6

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ CÔNG TẠI CÁC ĐVHC CẤP XÃ SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Đôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
A	Trụ sở UBND cấp xã	111	29	82	-					
1	Thị xã Chơn Thành	8	2	6	-	- Rà soát, hoán đổi hoặc tận dụng lại cho các cơ quan, đơn vị có nhu cầu; ưu tiên chuyển đổi công năng để sử dụng làm cơ sở giáo dục, y tế, thiết chế văn hóa, thể thao hoặc các công trình công cộng phục vụ cộng đồng. - Chuyển giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà, đất của địa phương để tổ chức khai thác, sử dụng đúng quy định, tránh lãng phí. - Thực hiện thu hồi, xử lý theo quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt với các trụ sở không còn phù hợp, thừa diện tích hoặc không thể chuyển đổi công năng. Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã có hiệu lực thi hành, các địa phương hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, đơn vị tại ĐVHC sau sắp xếp.				
	Phường Minh Long	1		1						
	Phường Minh Hưng	1	1							
	Phường Hưng Long	1		1						
	Phường Thành Tâm	1		1						
	Phường Minh Thành	1		1						
	Xã Nha Bích	1		1						
	Xã Minh Thắng	1	1							
	Xã Minh Lập	1		1						
2	Huyện Hớn Quản	13	3	10	-					
	Xã Quang Minh (Chơn Thành)	1		1						
	Xã Tân Quan	1		1						
	Xã Phước An	1	1							
	Xã Tân Lợi	1		1						
	Xã Tân Hưng	1	1							
	Xã An Khương	1		1						
	Xã Thanh An	1		1						
	Thị trấn Tân Khai	1		1						
	Xã Đồng Nơ	1		1						

	Xã Tân Hiệp	1		1						
	Xã An Phú	1		1						
	Xã Minh Tâm	1	1							
	Xã Minh Đức	1		1						
3	Thị Xã Bình Long	7	1	6	-					
	Phường An Lộc	1		1						
	Phường Hưng Chiến	1		1						
	Phường Phú Đức	1		1						
	Xã Thanh Bình (Hồn Quán)	1		1						
	Phường Phú Thịnh	1		1						
	Xã Thanh Lương	1		1						
	Xã Thanh Phú	1	1							
4	Huyện Lộc Ninh	15	5	10	-					
	Xã Lộc Thành	1	1							
	Xã Lộc Thịnh	1		1						
	Thị trấn Lộc Ninh	1		1						
	Xã Lộc Thái	1		1						
	Xã Lộc Thuận	1		1						
	Xã Lộc Hưng	1	1							
	Xã Lộc Điền	1		1						
	Xã Lộc Khánh	1		1						
	Xã Lộc Tấn	1	1							
	Xã Lộc Thiện	1		1						
	Xã Lộc Hòa	1		1						
	Xã Lộc Thạnh	1	1							
	Xã Lộc Quang	1		1						
	Xã Lộc Phú	1	1							
	Xã Lộc Hiệp	1		1						
5	Huyện Bù Đốp	8	2	6	-					
	Xã Lộc An (Lộc Ninh)	1		1						
	Xã Tân Tiến	1		1						
	Xã Tân Thành	1	1							
	Xã Thanh Hòa	1		1						
	Thị trấn Thanh Bình	1		1						
	Xã Thiện Hưng	1		1						

	Xã Hưng Phước	1	1							
	Xã Phước Thiện	1		1						
6	Huyện Bù Gia Mập	8	3	5	-					
	Xã Bù Gia Mập	1	1							
	Xã Đăk Ô	1	1							
	Xã Phú Văn	1		1						
	Xã Đức Hạnh	1		1						
	Xã Phú Nghĩa	1		1						
	Xã Đa Kia	1	1							
	Xã Phước Minh	1		1						
	Xã Bình Thắng	1		1						
7	Thị xã Phước Long	8	1	7	-					
	Xã Bình Sơn (huyện Phú Riềng)	1		1						
	Xã Long Giang	1		1						
	Phường Long Phước	1		1						
	Phường Phước Bình	1		1						
	Phường Long Thủy	1	1							
	Phường Thác Mơ	1		1						
	Phường Sơn Giang	1		1						
	Xã Phước Tín	1		1						
8	Huyện Phú Riềng	9	3	6	-					
	Xã Long Bình	1		1						
	Xã Long Hưng	1	1							
	Xã Bình Tân	1		1						
	Xã Long Tân	1		1						
	Xã Long Hà	1	1							
	Xã Bù Nho	1		1						
	Xã Phú Riềng	1		1						
	Xã Phước Tân	1		1						
	Xã Phú Trung	1	1							
9	Thành phố Đồng Xoài	8	1	7	-					
	Xã Tân Thành	1		1						
	Phường Tiến Thành	1	1							
	Phường Tân Phú	1		1						
	Phường Tân Đồng	1		1						

	Phường Tân Thiện	1		1						
	Phường Tân Bình	1		1						
	Phường Tân Xuân	1		1						
	Xã Tiến Hưng	1		1						
10	Huyện Đồng Phú	11	3	8	-					
	Xã Thuận Phú	1	1							
	Xã Thuận Lợi	1		1						
	Xã Đồng Tâm	1		1						
	Xã Đồng Tiến	1	1							
	Xã Tân Phước	1		1						
	Xã Tân Lợi	1		1						
	Xã Tân Hưng	1	1							
	Thị trấn Tân Phú	1		1						
	Xã Tân Tiến	1		1						
	Xã Tân Lập	1		1						
	Xã Tân Hòa	1		1						
11	Huyện Bù Đăng	16	5	11	-					
	Xã Đăng Hà	1		1						
	Xã Thống Nhất	1	1							
	Xã Phước Sơn	1		1						
	Xã Đức Liễu	1	1							
	Xã Nghĩa Bình	1		1						
	Xã Nghĩa Trung	1		1						
	Xã Đoàn Kết	1		1						
	Thị trấn Đức Phong	1		1						
	Xã Minh Hưng	1		1						
	Xã Đồng Nai	1		1						
	Xã Phú Sơn	1		1						
	Xã Thọ Sơn	1	1							
	Xã Đường X0	1	1							
	Xã Đak Nhau	1		1						
	Xã Bom Bo	1	1							
	Xã Bình Minh	1		1						
B	Trụ sở trạm y tế xã	111	111	0	-					
1	Thành phố Đồng Xoài	8								

	Trạm y tế Phường Tân Bình	1	1							
	Trạm y tế Phường Tân Đồng	1	1							
	Trạm y tế Phường Tân Phú	1	1							
	Trạm y tế Phường Tân Thiện	1	1							
	Trạm y tế Phường Tân Xuân	1	1							
	Trạm y tế Xã Tân Thành	1	1							
	Trạm y tế Xã Tiên Hưng	1	1							
	Trạm y tế Xã Tiên Thành	1	1							
2	Huyện Đồng Phú	11								
	Trạm y tế Thị trấn Tân Phú	1	1							
	Trạm y tế Xã Đồng Tiến	1	1							
	Trạm y tế Xã Tân Tiến	1	1							
	Trạm y tế Xã Đồng Tâm	1	1							
	Trạm y tế Xã Tân Hòa	1	1							
	Trạm y tế Xã Tân Hưng	1	1							
	Trạm y tế Xã Tân Lập	1	1							
	Trạm y tế Xã Tân Lợi	1	1							
	Trạm y tế Xã Tân Phước	1	1							
	Trạm y tế Xã Thuận Lợi	1	1							
	Trạm y tế Xã Thuận Phú	1	1							
3	Huyện Bù Đăng	16								
	Trạm y tế Thị trấn Đức Phong	1	1							
	Trạm y tế Xã Bình Minh	1	1							
	Trạm y tế Xã Bom Bo	1	1							
	Trạm y tế Xã Đak Nhau	1	1							
	Trạm y tế Xã Đăng Hà	1	1							
	Trạm y tế Xã Đoàn Kết	1	1							
	Trạm y tế Xã Đồng Nai	1	1							
	Trạm y tế Xã Đức Liễu	1	1							
	Trạm y tế Xã Đường X0	1	1							
	Trạm y tế Xã Nghĩa Bình	1	1							
	Trạm y tế Xã Nghĩa Trung	1	1							
	Trạm y tế Xã Phú Sơn	1	1							
	Trạm y tế Xã Phước Sơn	1	1							
	Trạm y tế Xã Thọ Sơn	1	1							

	Trạm y tế Xã Thống Nhất	1	1							
	Trạm y tế Xã Minh Hưng	1	1							
4	Huyện Phú Riềng	10								
	Trạm y tế Xã Phước Tân	1	1							
	Trạm y tế Xã Long Bình	1	1							
	Trạm y tế Xã Phú Trung	1	1							
	Trạm y tế Xã Long Hưng	1	1							
	Trạm y tế Xã Bình Sơn	1	1							
	Trạm y tế Xã Bù Nho	1	1							
	Trạm y tế Xã Phú Riềng	1	1							
	Trạm y tế Xã Bình Tân	1	1							
	Trạm y tế Xã Long Tân	1	1							
	Trạm y tế Xã Long Hà	1	1							
5	Thị Xã Phước Long	7								
	Trạm y tế Phường Long Phước	1	1							
	Trạm y tế Phường Long Thủy	1	1							
	Trạm y tế Phường Phước Bình	1	1							
	Trạm y tế Phường Sơn Giang	1	1							
	Trạm y tế Phường Thác Mơ	1	1							
	Trạm y tế Xã Long Giang	1	1							
	Trạm y tế Xã Phước Tín	1	1							
6	Huyện Bù Gia Mập	8								
	Trạm y tế Xã Bình Thắng	1	1							
	Trạm y tế Xã Bù Gia Mập	1	1							
	Trạm y tế Xã Đa Kia	1	1							
	Trạm y tế Xã Đăk Ô	1	1							
	Trạm y tế Xã Đức Hạnh	1	1							
	Trạm y tế Xã Phú Nghĩa	1	1							
	Trạm y tế Xã Phú Văn	1	1							
	Trạm y tế Xã Phước Minh	1	1							
7	Huyện Bù Đốp	7								
	Trạm y tế Thị trấn Thanh Bình	1	1							
	Trạm y tế Xã Hưng Phước	1	1							
	Trạm y tế Xã Phước Thiện	1	1							

	Trạm y tế Xã Tân Tiến	1	1							
	Trạm y tế Xã Tân Thành	1	1							
	Trạm y tế Xã Thanh Hòa	1	1							
	Trạm y tế Xã Thiện Hưng	1	1							
8	Huyện Lộc Ninh	16								
	Trạm y tế Thị trấn Lộc Ninh	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc An	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Điền	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Hiệp	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Hòa	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Hưng	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Khánh	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Phú	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Quang	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Tấn	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Thái	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Thành	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Thạnh	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Thiện	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Thịnh	1	1							
	Trạm y tế Xã Lộc Thuận	1	1							
9	Thị Xã Bình Long	6								
	Trạm y tế Phường An Lộc	1	1							
	Trạm y tế Phường Hưng Chiến	1	1							
	Trạm y tế Phường Phú Đức	1	1							
	Trạm y tế Phường Phú Thịnh	1	1							
	Trạm y tế Xã Thanh Lương	1	1							
	Trạm y tế Xã Thanh Phú	1	1							
10	Huyện Hớn Quản	13								
	Trạm y tế Xã An Khương	1	1							
	Trạm y tế Xã An Phú	1	1							
	Trạm y tế Xã Đồng Nơ	1	1							
	Trạm y tế Xã Minh Đức	1	1							
	Trạm y tế Xã Minh Tâm	1	1							
	Trạm y tế Xã Phước An	1	1							

	Trạm y tế Xã Tân Hiệp	1	1							
	Trạm y tế Xã Tân Hưng	1	1							
	Trạm y tế Xã Tân Khai	1	1							
	Trạm y tế Xã Tân Lợi	1	1							
	Trạm y tế Xã Tân Quan	1	1							
	Trạm y tế Xã Thanh An	1	1							
	Trạm y tế Xã Thanh Bình	1	1							
11	Thị Xã Chơn Thành	9								
	Trạm y tế Thị trấn Chơn Thành	1	1							
	Trạm y tế Phường Minh Lập	1	1							
	Trạm y tế Phường Minh Long	1	1							
	Trạm y tế Phường Minh Thành	1	1							
	Trạm y tế Xã Minh Thắng	1	1							
	Trạm y tế Xã Nha Bích	1	1							
	Trạm y tế Xã Quang Minh	1	1							
	Trạm y tế Phường Thành Tâm	1	1							
	Trạm y tế Phường Minh Hưng	1	1							